

Số: /TTr-BSR

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2022

## TỜ TRÌNH

### Về việc tài liệu, văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần  
Lộc hóa dầu Bình Sơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BSR ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ tình hình thực tế tại Công ty cổ phần Lộc Hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của BSR như sau:

- Chương trình đại hội (*Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo*);
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (*Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo*);
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (*Chi tiết như Phụ lục 03 kèm theo*);
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022 (*Chi tiết như Phụ lục 04 kèm theo*);
- Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*Chi tiết như Phụ lục 05 kèm theo*);

- Tờ trình Về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (*Chi tiết như Phụ lục 06 kèm theo*);
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 07 kèm theo*);
- Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 (*Chi tiết như Phụ lục 08 kèm theo*);
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 (*Chi tiết như Phụ lục 09 kèm theo*);
- Tờ trình về các nội dung liên quan đến Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (*Chi tiết như Phụ lục 10 kèm theo*).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT ;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban TCKT, QTNL, PCRR, KSNB;
- Lưu : VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**Thời gian:** 08h00 Thứ Sáu, ngày 22 tháng 04 năm 2022

**Địa điểm:** Đại hội trực tuyến kết hợp với trực tiếp tại Khách sạn Pullman, số 40, Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

| Thời gian dự kiến            | Thời lượng   | Nội dung   |
|------------------------------|--|--|
|                              | (phút)   |  |
| <b>I. Khai mạc Đại hội</b>   |  |  |
| 08h00 - 09h00                | 30   | Tiếp đón đại biểu, khách mời, Test nhanh Covid-19<br>Hướng dẫn Cổ đông đăng nhập hệ thống Đại hội trực tuyến                           |
|                              | 30   | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu  |
|                              |  | - Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông<br>- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông  |
|                              |  | Giới thiệu và thông qua: Ban Chủ tọa, Ban Bầu cử và kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế Đại hội.                                 |
|                              |  | Khai mạc đại hội   |
| <b>II. Nội dung Đại hội</b>  |  |  |
| 09h00 - 11h20                | 15   | Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022                              |
|                              | 5  | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021  |
|                              | 5  | Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021   |
|                              | 15   | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022   |
|                              | 5  | Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát |
|                              | 5  | Tờ trình về các nội dung liên quan đến Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất  |
|                              | 5  | Tờ trình v/v thông qua số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027                              |
|                              | 5  | Báo cáo danh sách ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát BSR nhiệm kỳ 2022-2027                               |
|                              | 10   | Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022   |
|                              | 5  | Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022  |
|                              | 30   | Thảo luận  |
|                              | 10   | Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội  |
|                              | 5  | Phát biểu của Đại diện Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nếu có)  |
|                              | 10   | Công bố kết quả biểu quyết và bầu các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát BSR nhiệm kỳ 2022-2027                    |
| 10                           | Công bố kết quả Bầu cử; Ra mắt Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 |  |
| <b>III. Tổng kết Đại hội</b> |  |  |
| 11h20 - 11h35                | 10   | Thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022   |
|                              | 5  | Bế mạc đại hội   |

## PHỤ LỤC 02

# BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

## PHẦN I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

### A. Đánh giá chung

Năm 2021 dịch bệnh Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng nặng nề cho nền kinh tế thế giới và Việt Nam, cũng như các Nhà máy lọc dầu (NMLD) trên thế giới nói chung và NMLD Dung Quất nói riêng, nhiều NMLD/Doanh nghiệp phải đóng cửa vì sản xuất không hiệu quả và/hoặc không đủ kho chứa dầu thô/sản phẩm. Tuy nhiên, nhờ tốc độ phủ vaccine tại nhiều nước trên thế giới (đặc biệt là các nước đang phát triển và các nước mới nổi) và Việt Nam tăng cao và nhanh góp phần nới lỏng các quy định về giãn cách xã hội và hạn chế đi lại. Theo đó, nền kinh tế thế giới và Việt Nam từng bước phục hồi tăng trưởng vào các tháng cuối năm.

Với phương châm quản trị biến động, tối đa giá trị, mở rộng thị trường, liên kết đầu tư và phục hồi tăng trưởng; cùng với sự đồng hành của các cấp thẩm quyền; sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); Sự đoàn kết, quyết tâm, chủ động và linh hoạt của Tập thể lãnh đạo và NLĐ BSR, BSR đã duy trì NMLD Dung Quất vận hành an toàn, ổn định và liên tục ở công suất tối ưu. Theo đó, BSR đã đạt và vượt tất cả các chỉ tiêu về sản xuất và tài chính trong năm 2021, trong đó LNST đạt 6.776,7 tỷ đồng (vượt 684% KH), nộp NSNN trên 11 nghìn tỷ đồng (đạt 148% KH) góp phần vượt mức kế hoạch năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi và PVN. Việc nộp NSNN vượt KH trong năm 2021 còn góp phần làm tăng nguồn ngân sách nhà nước để chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với dịch bệnh Covid-19 và phục hồi tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

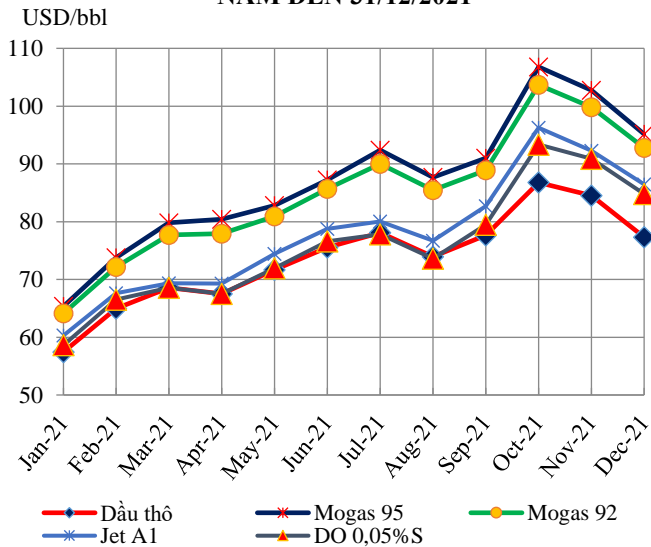
Một số yếu tố, điều kiện ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của BSR như sau:

#### 1. Thuận lợi

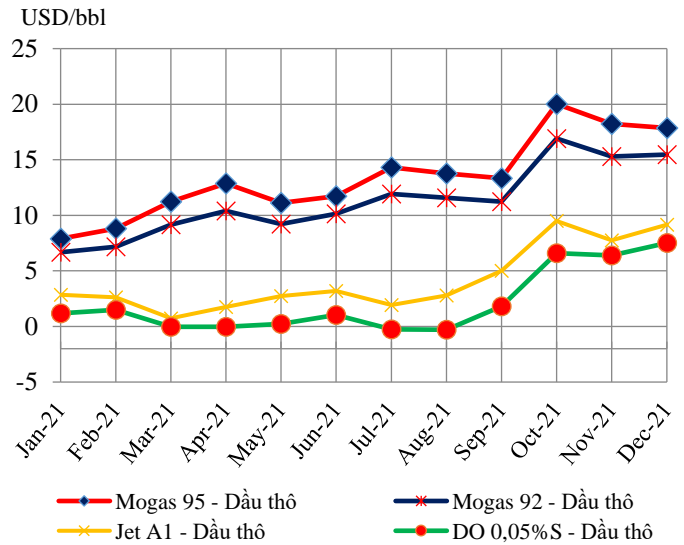
- Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Chính phủ/ Bộ ngành.
- Tỷ giá USD/VNĐ khá ổn định không có biến động bất thường.
- Nhà máy đạt 32,9 triệu giờ công an toàn, không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI).
- Nhà máy vận hành an toàn, liên tục tại công suất trung bình gần 98,8% công suất thiết kế.
- Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.
- Đã tích lũy được kinh nghiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid – 19.
- Giá dầu thô tăng cao và khoảng cách giá giữa giá sản phẩm xăng 92, xăng 95 và dầu thô (crack margin) mở rộng hơn nhiều so với KH và so với năm 2020

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm từ đầu năm đến nay được thể hiện ở các biểu đồ sau:

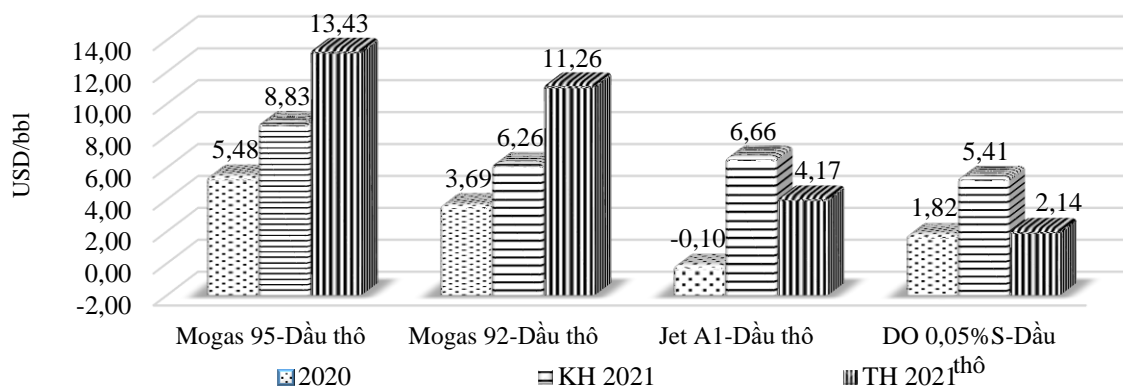
**DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM TỪ DẦU  
NĂM ĐẾN 31/12/2021**



**DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU  
THÔ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 31/12/2021**



**CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2020 & YTD 2021**



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DẦU THÔ, GIÁ SẢN PHẨM BÌNH QUÂN NĂM 2021  
VÀ KHOẢNG CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM VỚI GIÁ DẦU THÔ THỰC  
HIỆN NĂM 2021 SO VỚI KẾ HOẠCH**

Đơn vị tính: USD/thùng

| Stt | Nội dung          | 2020  | 2021  |       | Chênh lệch |           |
|-----|-------------------|-------|-------|-------|------------|-----------|
|     |                   |       | KH    | TH    | TH21/TH20  | TH21/KH21 |
| 1   | Dầu thô           | 46,57 | 49,74 | 73,67 | 58,2%      | 48,1%     |
| 2   | Mogas 95          | 52,06 | 58,58 | 87,10 | 67,3%      | 48,7%     |
| 3   | Mogas 92          | 50,26 | 56,00 | 84,93 | 69,0%      | 51,7%     |
| 4   | Jet A1            | 46,47 | 56,40 | 77,84 | 67,5%      | 38,0%     |
| 5   | DO 0,05%S         | 48,40 | 55,15 | 75,80 | 56,6%      | 37,5%     |
| 6   | Mogas 95-Dầu thô  | 5,48  | 8,83  | 13,43 | 145,0%     | 52,0%     |
| 7   | Mogas 92-Dầu thô  | 3,69  | 6,26  | 11,26 | 205,5%     | 80,0%     |
| 8   | Jet A1-Dầu thô    | -0,10 | 6,66  | 4,17  |            | -37,4%    |
| 9   | DO 0,05%S-Dầu thô | 1,82  | 5,41  | 2,14  | 17,1%      | -60,5%    |

**Ghi chú:** Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.

## **2. Khó khăn**

a) Trong năm 2021, BSR tiếp tục chịu ảnh hưởng bất lợi do đại dịch Covid – 19 gây ra, đặc biệt khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm những tháng 8,9/2021 (thời điểm này tồn kho sản phẩm luôn ở mức cao vượt khả năng tồn chứa của nhà máy, BSR buộc phải tiến hành thuê kho gửi sản phẩm và hạ công suất vận hành về mức tối thiểu để đảm bảo an toàn vận hành).

b) Khó khăn trong việc triển khai đầu tư dự án NCMR NMLD Dung Quất.

c) Nhà máy đã có thời gian vận hành trên 10 năm nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nhiều nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, liên tục dẫn tới chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng.

d) Khoảng chênh giữa giá sản phẩm Jet A1 và DO so với giá dầu thô thấp hơn so với kế hoạch làm giảm lợi nhuận.

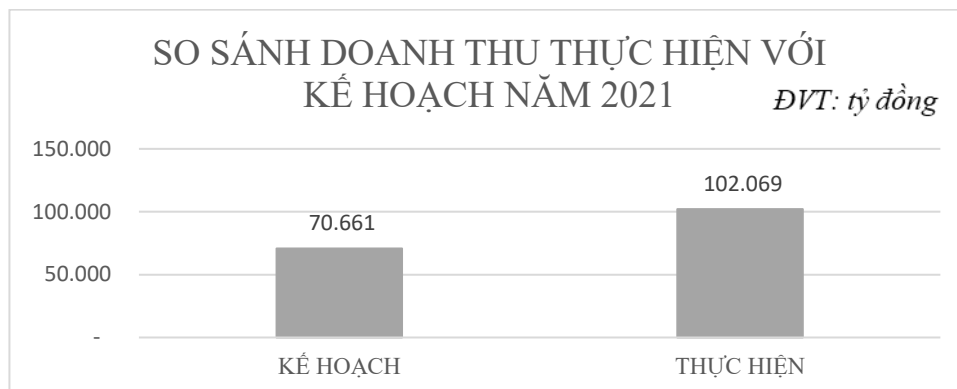
## **B. Kết quả hoạt động SXKD năm 2021**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

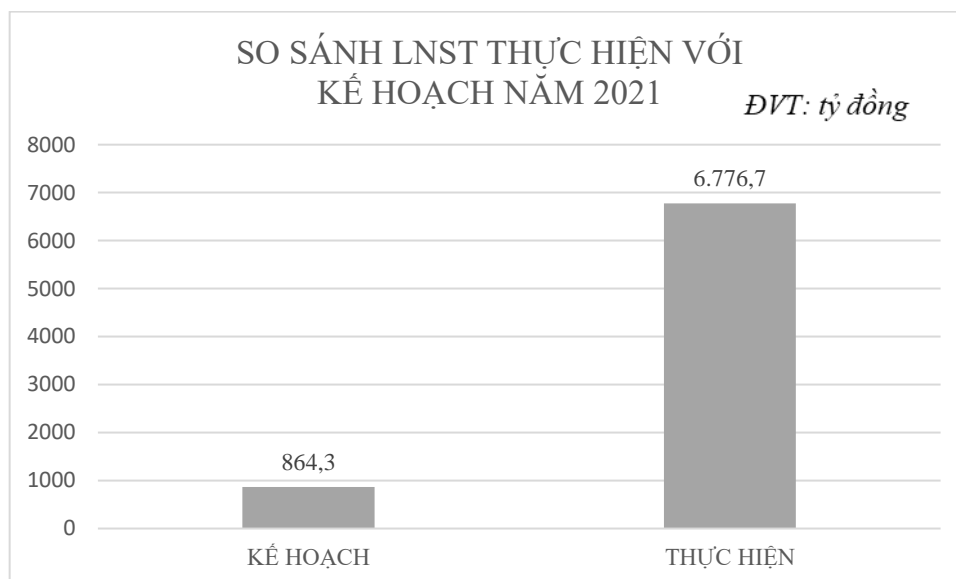
| Stt        | Nội dung                             | ĐVT     | Năm 2020  | Năm 2021  |           |
|------------|--------------------------------------|---------|-----------|-----------|-----------|
|            |                                      |         |           | Kế hoạch  | Thực hiện |
| <b>I</b>   | <b>Chỉ tiêu sản lượng</b>            |         |           |           |           |
| 1          | Sản lượng sản xuất                   | Tấn     | 5.930.486 | 6.497.587 | 6.528.804 |
| 2          | Sản lượng tiêu thụ                   |         | 5.922.021 | 6.497.587 | 6.423.553 |
| <b>II</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b> |         |           |           |           |
| 1          | Tổng doanh thu                       | Tỷ đồng | 58.651,1  | 70.898,3  | 102.130,0 |
| 2          | Nộp NSNN                             |         | 6.255,7   | 7.706,5   | 11.379,3  |
| 3          | Lợi nhuận trước thuế                 |         | -2.852,4  | 871,4     | 6.940,7   |
| 4          | Lợi nhuận sau thuế                   |         | -2.858,1  | 870,0     | 6.683,5   |
| <b>III</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b> |         |           |           |           |
| 1          | Tổng doanh thu                       | Tỷ đồng | 58.587,0  | 70.660,6  | 102.068,7 |
| 2          | Nộp NSNN                             |         | 6.241,5   | 7.697,6   | 11.366,7  |
| 3          | Lợi nhuận trước thuế                 |         | -2.812,5  | 864,3     | 7.031,5   |
| 4          | Lợi nhuận sau thuế                   |         | -2.812,4  | 864,3     | 6.776,7   |

So với Kế hoạch SXKD năm 2021 hầu hết các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

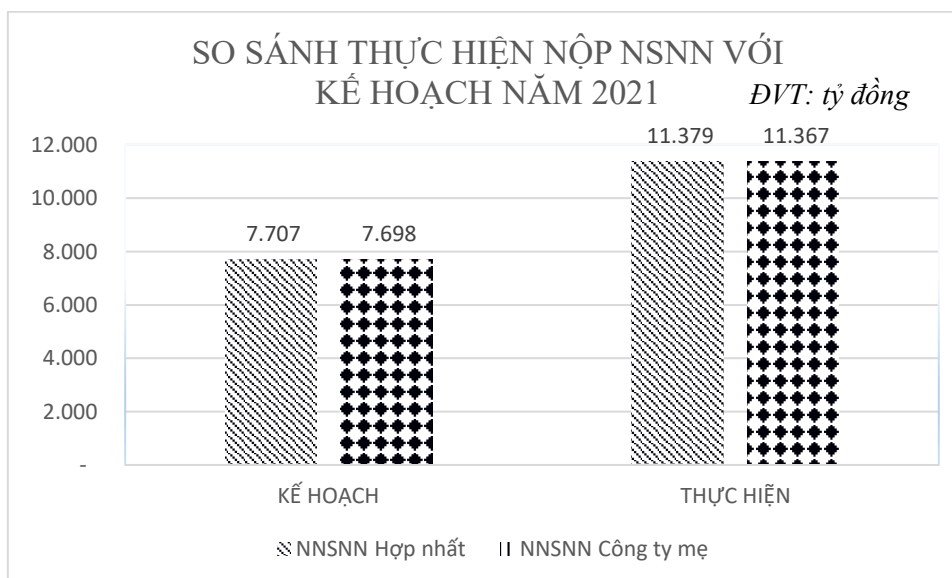
- Sản lượng sản xuất đạt 100,5% kế hoạch được giao.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ vượt 44,4% so với kế hoạch.



–Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ vượt 684% so với kế hoạch



–Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ vượt 48% so với kế hoạch.



## 2. Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Công tác đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ (ATSKMT) của BSR được đảm bảo với kết quả như sau: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Tính đến hết năm 2021, BSR đạt gần 32,9 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày

công (LTI). Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên theo kế hoạch. Công tác quan trắc môi trường tiến hành liên tục, kiểm soát tốt các nguồn thải và tuân thủ yêu cầu pháp luật hiện hành. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được thực hiện tốt. Công tác phòng chống lụt bão cũng được BSR thực hiện rất tốt góp phần giảm thiểu các tổn thất cho Nhà máy trong mùa mưa bão.

### **3. Công tác vận hành và bảo dưỡng sửa chữa**

#### **a) Công tác vận hành**

Trong năm 2021, Nhà máy vận hành an toàn, ổn định và liên tục tại 98,8% công suất thiết kế (trong giai đoạn tháng 8,9/2021 do dịch bệnh Covid – 19 ảnh hưởng đến việc tiêu thụ sản phẩm, Nhà máy phải thực hiện giảm công suất vận hành về mức công suất tốt thiểu. Tuy nhiên, những tháng cuối năm công suất vận hành được nâng dần lên có thời điểm nhà máy vận hành ở 108% công suất thiết kế). Công tác thực tập xử lý tình huống khẩn cấp, tầm soát rò rỉ, công tác bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ được tổ chức và thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo chất lượng, giữ ổn định Nhà máy, đảm bảo không sự cố ảnh hưởng đến vận hành.

#### **b) Bảo dưỡng sửa chữa**

Trong năm 2021, do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nên công tác tổ chức thực hiện bảo dưỡng gặp rất nhiều khó khăn, tuy nhiên BSR đã nỗ lực phấn đấu và hoàn thành kế hoạch đề ra và đạt được kết quả tốt với một số nhiệm vụ BDSC quan trọng đã thực hiện như sau:

- Tổng số hạng mục công việc bảo dưỡng và sửa chữa đã thực hiện trong năm 2021 là 53.846 lượt bảo dưỡng phòng ngừa (PM) và 5.646 lượt sửa chữa (CM) cho khoảng 24.131 thiết bị có trên hệ thống CMMS với tỷ lệ hoàn thành PM = 95%, CM = 90%.
- Tổ chức thực hiện xử lý nhanh, hiệu quả các sự cố phức tạp. Thực hiện thành công sửa chữa, khắc phục kịp thời các sự cố trong quá trình vận hành của Nhà máy, nâng cao độ ổn định, độ tin cậy của hệ thống thiết bị trong điều kiện không có sự trợ giúp của các chuyên gia OEM nước ngoài do dịch bệnh Covid-19.
- Nâng cao độ tin cậy Nhà máy, đảm bảo mức độ sẵn sàng Nhà máy đạt đến 95,6%, tương đương với nhóm 2 (Quatile 2) - nhóm các nhà máy tiên tiến trên thế giới theo tiêu chuẩn đánh giá của tổ chức Solomon.
- Thực hiện đánh giá, phân loại và khởi tạo chương trình kiểm tra tình trạng tin cậy của 968 vòng điều khiển/bảo vệ tự động nhằm nâng cao độ tin cậy và an toàn cho thiết bị/Nhà máy.
- Thực hiện rà soát cập nhật, phát triển 211 quy trình quản lý và hơn 1.500 quy trình tác nghiệp phục vụ công tác BDSC.
- Cung cấp dịch vụ BDSC ra bên ngoài với 2 hợp đồng cho Hòa Phát Dung Quất, đem về doanh thu gần 400 triệu đồng cho BSR. Song song, công tác tìm kiếm dịch vụ và đối tác vẫn đang tiếp tục cho các năm kế tiếp.





#### **4. Công tác tối ưu hóa**

Trong năm 2021, BSR tích cực thực hiện công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đẩy nhanh việc triển khai, cập nhật các chương trình hành động hàng năm về tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

##### **a) Tối ưu hóa năng lượng**

- Chuyển đổi thành công hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 từ phiên bản 2011 lên phiên bản 2018.
- Giám sát chặt chẽ việc tiêu thụ/sử dụng năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số năng lượng EII trung bình 11 tháng đầu năm 2021 là 105,7% (KPI EII năm 2021 là  $106 \pm 1\%$ ).
- Đã nghiên cứu và áp dụng thành công 10 giải pháp tối ưu hóa năng lượng, tiết kiệm cho Nhà máy khoảng 51 tỷ đồng, cụ thể các giải pháp thành công như sau: Tối ưu vận hành hệ thống làm mát bằng nước biển, nâng cấp hệ thống phối trộn dầu thô, tối ưu áp suất vận hành tháp T-1107, nghiên cứu dừng bơm tuần hoàn nước ấm P-1122, v.v...
- BSR đang phối hợp với Tổng công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí, CTCP (PVMR) để thực hiện kiểm toán năng lượng NMLD Dung Quất.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện các giải pháp tối ưu hóa năng lượng năm 2022, TA5 và giai đoạn 2021-2025.

##### **b) Tối ưu hóa công nghệ**

- Đã tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn trên 12 loại dầu thô mới bổ sung vào rổ dầu của Nhà máy. Tiến hành chế biến thử nghiệm thành công 6 loại dầu thô mới là Qua Iboe (trên 30% vol), Cabinda (10% vol), Minas (trên 20% vol), Sông Đốc (trên 20% vol), Forcados (40% vol) và Attifil (30%). Tiếp tục chế biến thử nghiệm dầu thô mới Rabi trong tháng 12/2021.
- Đã nghiên cứu, sản xuất, xuất bán thử nghiệm thành công và đưa vào danh sách các sản phẩm sản xuất thương mại cho các sản phẩm PP mới gồm T-3045, T-3050, I-3085 và I-3150. Đã nghiên cứu sản xuất sản phẩm PP ứng dụng màng F-5100 trên quy mô Pilot.
- Đã tiến hành thử nghiệm thành công nâng công suất phân xưởng PP lên 115% công suất thiết kế và phân xưởng SRU2 lên 110% công suất thiết kế nhằm đánh giá khả năng xử lý S với nguồn dầu có hàm lượng S cao hơn. Đồng thời, BSR đã thử nghiệm vận hành phân xưởng LCO-HDT ở 100% công suất nhằm đánh giá khả năng sản xuất sản phẩm DO mức III và mức IV. Đồng thời, đang triển khai để thực hiện thử nghiệm nâng công suất phân xưởng RFCC lên 105% trong tháng 12/2021.
- Thử nghiệm tăng phụ gia ZSM5 lên 2,5% wt kết hợp tăng ROT đến 520oC để tăng sản lượng Propylene, LPG và RON của RFCC Naphta.
- Thực hiện công tác tối ưu cơ cấu sản phẩm theo hướng tăng tỷ lệ sản phẩm có giá trị cao như xăng Mogas 95, LPG, Propylene và hạt nhựa PP, giảm sản xuất JetA1, DO nhằm phù hợp với nhu cầu thị trường và mang lại hiệu quả cao.
- Hoàn thành thử nghiệm tăng sản lượng Naphta (FRN) từ phân xưởng CDU từ 248 m<sup>3</sup>/hr lên 255 m<sup>3</sup>/hr, tăng độ linh động và khả năng sản xuất khi nhu cầu sản phẩm xăng tăng cao.

- Nghiên cứu thử nghiệm bypass LPG tại CDU để đánh giá khả năng tăng tối đa Propylene tại RFCC.
- Thực hiện thành công đánh giá hiệu năng (PGT) cho xúc tác mới của Grace tại phân xưởng RFCC với lượng nạp tối đa 9 tấn/ngày, tiếp tục tối ưu trong điều kiện phân xưởng vận hành ở công suất thấp (giảm dưới 9 tấn/ngày).
- Nghiên cứu cải tiến công nghệ hiện hành của Nhà máy để chế biến dầu thô có hàm lượng S cao đến 0,16 %wt thông qua các giải pháp (i) nâng công suất phân xưởng thu hồi lưu huỳnh SRU2 lên 130%, (ii) chuyển đổi amine từ DEA sang MDEA/loại tương đương, thử nghiệm phụ gia De-SOx tại phân xưởng RFCC để đảm bảo giá trị SOx thải ra môi trường.
- Nghiên cứu đánh giá và thử nghiệm tính khả thi của phương án bypass phân xưởng LCO-HDT hoặc chạy gián đoạn nhằm tối ưu hoá năng lượng, cải thiện chỉ số EII của Nhà máy.

## **5. Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm**

### a) Cung cấp dầu thô

Năm 2021, BSR mua khoảng 7,08 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông) là 5,59 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Bonny Light và Sokol) là 1,49 triệu tấn.

### b) Tình hình tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2021 thể hiện ở bảng sau:

| <b>Stt</b> | <b>Sản phẩm</b> | <b>ĐVT</b> | <b>Kế hoạch</b>  | <b>Thực hiện</b> | <b>So sánh</b> |
|------------|-----------------|------------|------------------|------------------|----------------|
| 1          | Propylene       | Tấn        |                  | 3.068            |                |
| 2          | Polypropylene   | Tấn        | 164.636          | 179.441          | 109%           |
| 3          | LPG             | Tấn        | 443.477          | 487.274          | 110%           |
| 4          | Xăng E5 RON 92  | Tấn        | 44.054           | 31.017           | 70%            |
| 5          | Xăng RON 91/92  | Tấn        | 625.399          | 853.259          | 136%           |
| 6          | Xăng RON 95     | Tấn        | 2.103.264        | 1.950.030        | 93%            |
| 7          | Jet A1          | Tấn        | 540.899          | 214.750          | 40%            |
| 8          | Diesel Oil      | Tấn        | 2.409.712        | 2.546.850        | 106%           |
| 9          | FO/MFO          | Tấn        | 162.706          | 155.672          | 96%            |
| 10         | Lưu huỳnh       | Tấn        | 3.440            | 2.193            | 64%            |
|            | <b>TỔNG</b>     | <b>Tấn</b> | <b>6.497.587</b> | <b>6.423.553</b> | <b>99%</b>     |

- **Xăng dầu:** Tình hình tiêu thụ 6 tháng đầu năm theo sát kế hoạch. Việc tiêu thụ sản phẩm bị ảnh hưởng nghiêm trọng ở các tháng 8,9/2021 do các tỉnh thành áp dụng các chính sách giãn cách xã hội theo các Chỉ thị 15, 15+, 16, 16+ và thực hiện ”ai ở đâu ở yên đấy”, các đầu mối liên tục từ chối/giãn tiến độ nhận hàng, BSR đã phải thực hiện giải pháp thuê kho để gửi sản phẩm và hạ công suất vận hành xuống mức tối thiểu nhằm đảm bảo an toàn vận hành nhà máy. Tình hình tiêu thụ sản phẩm

được cản thiện dần ở những tháng cuối năm. Tổng sản lượng xăng dầu BSR xuất bán trong năm 2021 là 5.752 nghìn tấn chỉ đạt 98% so với kế hoạch.

- **LPG:** Tổng khối lượng LPG xuất bán trong năm 2021 khoảng 487 nghìn tấn vượt so với kế hoạch 10%.
- **Polypropylene (PP):** Trong năm 2021, tình hình tiêu thụ PP tương đối ổn định. Tổng khối lượng PP xuất bán trong năm 2021 là 179 nghìn tấn vượt 9% so với kế hoạch.

## **6. Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác**

### a) Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

| STT | Kho                     | ĐVT     | Số tồn ngày 31/12/2021 |
|-----|-------------------------|---------|------------------------|
| 1   | Kho vật tư, phục tùng   | Tỷ đồng | 1.628,9                |
| 2   | Kho dầu mỡ bôi trơn     | Tỷ đồng | 10,5                   |
| 3   | Kho xúc tác hóa phẩm    | Tỷ đồng | 82,7                   |
| 4   | Kho hóa chất thí nghiệm | Tỷ đồng | 9,3                    |

### b) Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho tại Nhà máy tại thời điểm 31/12/2021 là 247,45 nghìn tấn dầu thô và khoảng 157,46 nghìn tấn sản phẩm các loại.

## **C. Triển khai vốn đầu tư**

### **1. Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư**

Năm 2021, BSR chủ yếu thực hiện những dự án trong KH năm 2020 chuyển tiếp nên giá trị thực hiện còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất chậm, ngoài ra một số dự án khác đang trong giai đoạn thẩm định hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi (NCKT)/Báo cáo (Kinh tế kỹ thuật)KTKT, triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư, kết quả cụ thể như sau:

| Stt       | Chỉ tiêu đầu tư                    | ĐVT            | KH năm 2021   | TH năm 2021   | %TH so với KH |
|-----------|------------------------------------|----------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>I</b>  | <b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>    | <b>Tỷ đồng</b> | <b>938,77</b> | <b>216,03</b> | <b>23,0%</b>  |
| 1         | Dự án NCMR NMLD                    | Tỷ đồng        | 567,90        | 26,34         | 4,6%          |
| 2         | Các dự án đầu tư khác              | Tỷ đồng        | 63,48         | 0,05          | 0,1%          |
| 2.1       | Các dự án chuyển tiếp năm 2020     | Tỷ đồng        | 7,99          | 0             | 0,0%          |
| 2.2       | Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2021 | Tỷ đồng        | 55,49         | 0,05          | 0,1%          |
| 3         | Mua sắm TSCĐ                       | Tỷ đồng        | 307,39        | 189,65        | 61,7%         |
| <b>II</b> | <b>Giá trị giải ngân</b>           | <b>Tỷ đồng</b> | <b>938,77</b> | <b>125,49</b> | <b>13,4%</b>  |
| 1         | Vốn chủ sở hữu                     | Tỷ đồng        | 938,77        | 125,49        | 13,4%         |
| 2         | Vốn vay + khác                     | Tỷ đồng        | -             | -             | -             |

## **2. Tình hình thực hiện các dự án**

### a) Dự án NCMR NMLD Dung Quất:

- **Công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án:** Thực hiện chỉ đạo của Ban CĐNN tại Công văn số 20/BCĐNNDK-VP ngày 12/8/2021 về tình hình thực hiện Dự án NCMR NMLD Dung Quất sau khi BSR đã báo cáo Tập đoàn tại Công văn số 74/BSR-NĐD ngày 10/8/2021 về việc báo cáo đánh giá tổng thể Dự án NCMR NMLD Dung Quất để báo cáo cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, trong đó Ban CĐNN yêu cầu Tập đoàn chỉ đạo BSR khẩn trương rà soát đánh giá lại tổng thể tính khả thi và hiệu quả của Dự án trên cơ sở cập nhật lại toàn bộ các giá định, thông số đầu vào, lập lại kế hoạch mới triển khai NCMR NMLD Dung Quất đảm bảo khả thi, hiệu quả đầu tư và yêu cầu nâng cấp chất lượng sản phẩm theo quy định, cũng như thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về hướng nghiên cứu điều chỉnh đầu tư trong giai đoạn tiếp theo. BSR đang tích cực triển khai công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất để có thể hoàn thành và trình cấp thẩm quyền xem xét trong thời gian sớm nhất.
- **Công tác giải phóng mặt bằng:** Đã làm việc với DEZA để thống nhất kế hoạch thực hiện công tác thanh quyết toán cũng như giải quyết một số tồn đọng vướng mắc của Tiểu dự án trong thời gian đến. Ban DQRE sẽ phối hợp cùng DEZA triển khai thực hiện các công việc liên quan đến Tiểu dự án theo nội dung TBKL cuộc họp số 314/TB-BQL ngày 25/02/2022 của DEZA (Điều chỉnh tiến độ; Điều chỉnh cơ cấu tổng mức; Kế hoạch tạm ứng vốn điều chỉnh; Công tác kiểm toán, nghiệm thu thanh quyết toán A-B...); Liên quan đến việc bảo vệ mặt bằng Dự án NCMR NMLD Dung Quất: Đang thực hiện các công việc giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng hàng rào bảo vệ mặt bằng mở rộng NMLD Dung Quất (lập dự toán/kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo KTKT xây dựng, v.v...) để trình cấp thẩm quyền phê duyệt.
- **Công tác rà phá bom mìn, vật nổ:** Liên danh nhà thầu rà phá bom mìn, vật nổ (RPBM) và DQRE đang tiến hành các thủ tục liên quan để triển khai thi công RPBM phần trên bờ (khoảng 5% diện tích còn lại của 108,2 ha).

### b) Các Dự án đầu tư xây dựng khác

Thực hiện Quy định về quản trị danh mục đầu tư do Tập đoàn ban hành, BSR đã xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá ban hành kèm Quyết định số 1959/QĐ-BSR ngày 21/6/2021 về quản trị danh mục đầu tư của Công ty. Công ty đã/đang tổ chức đánh giá, xếp loại các dự án theo quy định quản trị danh mục đầu tư để: (i) Tiếp tục đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả đầu tư đối với những dự án chuẩn bị đầu tư/dự án đầu tư được xếp vào Nhóm an toàn hoặc Nhóm cảnh báo, (ii) xem xét loại bỏ các dự án đầu tư/chuẩn bị đầu tư xếp vào Nhóm nguy hiểm, (iii) ưu tiên nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty hoặc dự án phải thực hiện theo kiến nghị của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền. Kết quả đánh giá, xếp loại như sau:

- Tạm dừng đầu tư 02 dự án: Dự án xây dựng nhà cố định cho nhân sự vận hành hiện trường thay thế container tạm tại phân xưởng U33/U57 và 6 nhà cố định thay thế cho container chứa dụng cụ tạm tại các khu vực và Dự án xây dựng tuyến đường mở thông lối đi từ phân xưởng PP sang phân xưởng RO.

- Tiếp tục xem xét đánh giá sự cần thiết đầu tư, hiệu quả đầu tư và hoàn thiện báo cáo chủ trương đầu tư dự án mua sắm và lắp đặt công trực để bảo dưỡng thiết bị tại U34 để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.
- Triển khai công tác lập/thẩm định Báo cáo NCKT/Báo cáo KTKT các dự án mang lại hiệu quả, cần thiết đầu tư trong kế hoạch năm 2021 như:
  - + Đối với Dự án lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho các kho vật tư tại khu vực P7 theo kiến nghị của Thanh tra Cục PCCC: Tổ chức thẩm tra, thẩm duyệt PCCC, thẩm định và phê duyệt Báo cáo KTKT trong năm 2021 để triển khai các bước tiếp theo.
  - + Đối với dự án đầu tư xây dựng trạm điện 110/22 KV kết nối EVN về NMLD Dung Quất:
    - BSR đang xem xét phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi (BC NCKT).
    - Ngày 15/8/2021, BSR đã ký hợp đồng thuê Nhà thầu tư vấn đánh giá khả năng vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định và liên tục ở chế độ kết nối hòa đồng bộ với mạng lưới điện EVN, tiến độ thực hiện 24 tuần kể từ ngày ký hợp đồng. Hiện tại, BSR đang đôn đốc Nhà thầu Tư vấn sớm hoàn thiện báo cáo để có cơ.

#### c) Đầu tư mua sắm TTB/TSCĐ

Tiếp tục triển khai thực hiện các hợp đồng mua sắm TTB/TSCĐ chuyển tiếp năm 2020 và trong kế hoạch năm 2021, BSR đã thực hiện mua sắm được 23/52 hạng mục mua sắm TTB/TSCĐ trong kế hoạch năm 2021 được duyệt, trong đó đã/đang triển khai thực hiện hợp đồng triển khai giải pháp hoạch định nguồn lực (ERP). Ước kết quả thực hiện đạt 61,7% so với kế hoạch năm.

#### **D. Phân tích, đánh giá**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2021 là 6.764,8 tỷ đồng vượt 682,7% kế hoạch năm. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

##### **1. Sản lượng**

Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm đạt 6,43 triệu tấn, đạt 99% kế hoạch năm làm giảm lợi nhuận của Công ty

##### **2. Thị trường dầu mỏ**

Trong năm 2021, khoản cách giá (crack margin) của Jet A1, DO 0,05%S tuy bị thu hẹp, có những tháng crack margin âm (<0) nhưng crack margin của sản phẩm xăng 92/95 với giá dầu thô cao (sản phẩm xăng 92/95 chiếm tỷ trọng 44% tổng khối lượng sản phẩm tiêu thụ của NM) cộng với thuận lợi ở các tháng cuối năm khi crack margin của Jet A1, DO 0,05%S cũng tăng cao đã làm tăng mạnh lợi nhuận của BSR nhờ lợi thế của hàng tồn kho và lợi nhuận chế biến.

## PHẦN II - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022, BSR nhận thức rõ còn tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn đối với Công ty bao gồm:

### ➤ **Trong nước**

– Dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp và sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế.

– Chịu sự cạnh tranh với xăng dầu nhập khẩu từ các nước có ký hiệp định thương mại tự do với Việt Nam và xăng dầu sản xuất trong nước như NMLD Nghi Sơn.

– Năm 2022, thuế nhập khẩu xăng là 8,0% (so với 10% trong năm 2020 và các năm trước đó) làm cho lợi nhuận thu được từ xăng và hiệu quả SXKD của BSR giảm.

– Chất lượng sản phẩm của Nhà máy tương đương với khoảng giữa Euro II và Euro III, vì vậy việc tiêu thụ sản phẩm của NMLD Dung Quất có thể gặp khó khăn nếu sản phẩm xăng dầu lưu hành tại Việt Nam buộc phải đáp ứng tiêu chuẩn Euro IV/V (theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011: *Các loại xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 từ ngày 01/01/2022*).

– Nhà máy đã vận hành hơn 10 năm nên độ tin cậy và an toàn của các thiết bị, máy móc có xu hướng giảm, theo đó chi phí bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ có xu hướng gia tăng.

– Dự án NCMR NMLD Dung Quất được đánh giá không còn khả thi tại thời điểm hiện nay do giá chào thầu gói thầu EPC giai đoạn 2 vượt giá gói thầu đã được phê duyệt (BSR đã có Quyết định hủy thầu); không có khả năng thu xếp đủ vốn theo cơ cấu vốn chủ/vốn vay là 30/70 cho Dự án do không còn bảo lãnh Chính phủ; hiệu quả tổng thể của dự án thấp (khi loại bỏ các chính sách hỗ trợ phù hợp của Chính phủ như được tính toán trong DFS trước đây) và không đáp ứng điều kiện đầu tư của PVN. BSR đang báo cáo cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng Mức 5 và tăng cường sản phẩm hóa dầu (dự kiến hoàn thành vào năm 2025) đáp ứng xu thế chuyển dịch năng lượng trong tương lai nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của BSR.

### ➤ **Thế giới**

– Giá dầu thô và khoảng chênh lệch giữa giá dầu thô và sản phẩm (crack margin) được nhận định sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó dự báo và không thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của ngành lọc hoá dầu do tác động của nhiều yếu tố như: chính sách năng lượng của Mỹ và nhiều nước trên thế giới có sự thay đổi nhanh và mạnh mẽ theo hướng phát triển năng lượng sạch và tiến tới phát thải CO<sub>2</sub> bằng 0% (nhiều nước/tập đoàn năng lượng đặt mục tiêu phát thải CO<sub>2</sub> bằng 0% vào năm 2050); Chính sách trong quan hệ [Mỹ – Trung Quốc](#) và căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực trên thế giới chưa có xu hướng hạ nhiệt; việc phục hồi kinh tế của một số nước trên thế giới đã và đang có những khởi sắc



nhất định, tuy nhiên cần mất nhiều thời gian để nền kinh tế thế giới có thể phục hồi đà tăng trưởng tại thời điểm trước khi dịch Covid-19 bùng phát, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ; quan điểm và mục tiêu của các thành viên OPEC/OPEC+ bắt đầu có sự khác biệt và có thể sẽ khó có sự đồng thuận tuyệt đối để đưa ra các chính sách chung trong tương lai; v.v...

– Công nghệ về năng lượng tái tạo ngày càng phát triển, đặc biệt là công nghệ pin xe điện (cho phép kéo dài tuổi thọ của pin và quãng đường chạy cho mỗi lần sạc) cũng như nhu cầu sử dụng các phương tiện thân thiện với môi trường (như xe điện, v.v...) ngày càng phổ biến trên thế giới. Theo đó, ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch đặc biệt là nhu cầu xăng, dầu.

– Để sớm phục hồi nền kinh tế, nhiều nước đã áp dụng các chính sách/ biện pháp kích cầu kinh tế, theo đó nền kinh tế của các quốc gia và lạm phát của thế giới được dự báo tăng trong thời gian tới, đặc biệt ở khu vực các nước mới nổi và đang phát triển. Điều này sẽ làm tăng chi phí hoạt động SXKD.

## **A. Nhiệm vụ chủ yếu**

### **1. Về công tác an ninh, an toàn sản xuất kinh doanh**

a) Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

b) Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả SXKD của BSR.

c) Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường.

### **2. Về công tác vận hành Nhà máy và sản xuất sản phẩm**

d) Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; nghiên cứu, đánh giá các nguồn nguyên liệu trung gian cho chế biến để nâng cao hiệu quả cho nhà máy. Xây dựng chiến lược mua dầu thô dài hạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm) cho 50%-80% nhu cầu dầu thô chế biến của Nhà máy.

e) Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ XTHP, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v...(gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

f) Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/ hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đảm bảo an toàn

vận hành và hoạt động ổn định cho Nhà máy, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

g) Nâng cao năng lực và tăng cường ứng dụng các giải pháp khoa học & công nghệ để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

h) Chủ động, linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm phù hợp với nhu cầu, điều kiện/xu hướng thị trường và năng lực sản xuất/tồn trữ của BSR.

### **3. Đối với công tác quản trị doanh nghiệp**

a) Khẩn trương xây dựng chiến lược, trọng tâm phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 làm định hướng triển khai xuyên suốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng hệ thống ERP của BSR.

c) Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả kinh doanh của BSR.

d) Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

e) Nghiên cứu, xây dựng chính sách nhân sự nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động và thu hút nhân sự chất lượng cao.

f) Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao công tác quản trị để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả điều hành SXKD.

### **4. Về Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

a) Khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 5 và tối ưu hóa đầu nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế của Dự án, phù hợp với xu thế thị trường.

b) Sau khi Dự án NCMR NMLD Dung Quất được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, khẩn trương triển khai các bước tiếp theo của Dự án điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

c) Tiếp tục đánh giá, triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo hiệu quả, kịp thời, tiết kiệm và phát huy tối đa mục tiêu đầu tư, mua sắm.

d) Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, đảm bảo nguồn vốn triển khai và không làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của công tác đầu tư, mua sắm.





## **5. Về công tác tái cấu trúc**

a) Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2; khẩn trương xây dựng, trình PVN xem xét, phê duyệt đề án tái cơ cấu BSR giai đoạn đến năm 2025.

b) Sẵn sàng các thủ tục, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, Tập đoàn để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR; (ii) thoái vốn tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền; (iii) tiếp tục triển khai công tác thoái vốn của BSR tại PVBuilding.

## **6. Các nhiệm vụ khác**

a) Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank; các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR; miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...

b) Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.

c) Hoàn thiện Đề án xây dựng/tái tạo văn hóa doanh nghiệp/BSR. Thực hiện tốt công tác truyền thông để không ngừng quảng bá thương hiệu.

d) Nghiên cứu Đề án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu phát triển/Trung tâm đổi mới sáng tạo.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông giao.

## **B. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022**

### **7. Chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ**

| STT | SẢN PHẨM       | ĐVT        | KẾ HOẠCH NĂM 2022 |                  |
|-----|----------------|------------|-------------------|------------------|
|     |                |            | Sản xuất          | Tiêu thụ         |
| 1.  | Polypropylene  | Tấn        | 169.905           | 169.905          |
| 2.  | LPG            | Tấn        | 468.666           | 468.666          |
| 3.  | Xăng E5 RON 92 | Tấn        | 43.859            | 43.859           |
| 4.  | Xăng RON 91/92 | Tấn        | 792.034           | 792.034          |
| 5.  | Xăng RON 95    | Tấn        | 2.004.401         | 2.004.401        |
| 6.  | Jet A1         | Tấn        | 402.760           | 402.760          |
| 7.  | Diesel Oil     | Tấn        | 2.437.614         | 2.437.614        |
| 8.  | Fuel Oil       | Tấn        | 176.914           | 176.914          |
| 9.  | Lưu huỳnh      | Tấn        | 2.933             | 2.933            |
| 10. | <b>TỔNG</b>    | <b>Tấn</b> | <b>6.499.087</b>  | <b>6.499.087</b> |

## 8. Kế hoạch tài chính toàn Công ty (hợp nhất)

| Stt | Chỉ tiêu   | ĐVT                      | KH năm 2022 | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|-------------|---------|
| 1   | Tổng doanh thu                                     | Tỷ đồng                  | 91.677,7    |         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế                               | Tỷ đồng                  | 1.370,7     |         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế                                 | Tỷ đồng                  | 1.295,4     |         |
| 4   | Nộp NSNN   | Tỷ đồng                  | 9.944,9     |         |
| 5   | Năng suất lao động bình quan (tính theo doanh thu) | Tỷ đồng/<br>người/ tháng | 4,1         |         |

## 9. Kế hoạch Công ty mẹ

### a) Kế hoạch tài chính

| Stt | Chỉ tiêu                               | ĐVT     | KH năm 2022 | Ghi chú |
|-----|--|---------|-------------|---------|
| 1.  | Vốn chủ sở hữu                         | Tỷ đồng | 35.135,1    |         |
|     | - Vốn điều lệ cuối kỳ                  | Tỷ đồng | 31.005,0    |         |
| 2.  | Tổng doanh thu                         | Tỷ đồng | 91.411,5    |         |
| 3.  | Lợi nhuận trước thuế (*)               | Tỷ đồng | 1.474,1     |         |
| 4.  | Lợi nhuận sau thuế                     | Tỷ đồng | 1.400,8     |         |
| 5.  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH     | %       | 4,0         |         |
| 6.  | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ | %       | 4,5         |         |
| 7.  | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ          | %       | -           |         |
| 8.  | Chia cổ tức                            | Tỷ đồng | -           |         |
| 9.  | Hệ số nợ/vốn điều lệ                   | lần     | <3          |         |
| 10. | Cổ tức/ lợi nhuận nộp Tập đoàn         | Tỷ đồng | -           |         |
| 11. | Chia cổ tức cho cổ đông khác           | Tỷ đồng | -           |         |
| 12. | Nộp NSNN                               | Tỷ đồng | 9.934       |         |

### **Ghi chú:**

- Kế hoạch tài chính nêu trên được lập theo phương án giá dầu là 60\$US/thùng.
- (\*): Lợi nhuận trước thuế chưa tính đến tác động của hàng tồn kho.

b) Kế hoạch vốn đầu tư

| Stt      | Chỉ tiêu                                | ĐVT            | Kế hoạch năm 2022 |
|----------|---|----------------|-------------------|
| <b>1</b> | <b>Tổng nhu cầu vốn đầu tư</b>          | <b>Tỷ đồng</b> | <b>620,7</b>      |
| 1.1      | Đầu tư XD CB                            | Tỷ đồng        | 447,4             |
| -        | Dự án NCMR NMLD Dung Quất               | Tỷ đồng        | 376,1             |
| -        | Các dự án khác                          | Tỷ đồng        | 71,3              |
|          | + Dự án thực hiện trong năm             | Tỷ đồng        | 7,0               |
| 1.2      | Mua sắm TTB & TSCĐ                      | Tỷ đồng        | 173,3             |
| -        | Các hạng mục chuyển tiếp                | Tỷ đồng        | 128,7             |
| -        | Các hạng mục mua sắm mới trong năm 2022 | Tỷ đồng        | 37,7              |
| -        | Dự phòng                                | Tỷ đồng        | 6,9               |
| <b>2</b> | <b>Nguồn vốn</b>                        | <b>Tỷ đồng</b> | <b>620,7</b>      |
| -        | Vốn Chủ sở hữu                          | Tỷ đồng        | 620,7             |
| -        | Vốn vay và khác                         | Tỷ đồng        | -                 |

**Ghi chú:**

- Tổng Giám đốc thường xuyên rà soát/đánh giá, sắp xếp các hạng mục đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ theo thứ tự ưu tiên cấp thiết. Xây dựng phương án cân đối vốn cụ thể cho từng hạng mục đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ, đảm bảo triển khai công tác đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ theo khả năng tài chính của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định, pháp luật.
- Chỉ thực hiện đầu tư XD CB và mua sắm TTB&TSCĐ sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước, pháp luật. Chịu trách nhiệm về hiệu quả, tiến độ thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn.

**C. Tình hình SXKD Quý I/2022**

Ước kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2022 như sau:

| STT       | Các chỉ tiêu chính                       | ĐVT     | Kế hoạch  |            | Thực hiện Quý 1/2022 | TH Quý1/ KH 2022 | TH Quý 1/ KH Quý 1 |
|-----------|--|---------|-----------|------------|----------------------|------------------|--------------------|
|           |  |         | Năm 2022  | Quý 1/2022 |                      |                  |                    |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu sản lượng</b>                |         |           |            |                      |                  |                    |
| 1         | Sản lượng sản xuất                       | Tấn     | 6.499.087 | 1.602.515  | 1.654.569            | 25%              | 103,2%             |
| 2         | Sản lượng tiêu thụ                       | Tấn     | 6.499.087 | 1.602.515  | 1.597.365            | 25%              | 99,7%              |
| <b>II</b> | <b>Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b> |         |           |            |                      |                  |                    |
| 1         | Tổng doanh thu                           | Tỷ đồng | 91.411    | 2.258      | 35.471               | 39%              | 1570,9%            |
| 2         | Lợi nhuận trước thuế                     | Tỷ đồng | 1.474     | 361        | 2.164                | 147%             | 599,3%             |
| 3         | Lợi nhuận sau thuế                       | Tỷ đồng | 1.401     | 343        | 2.029                | 145%             | 591,5%             |
| 4         | Nộp NSNN                                 | Tỷ đồng | 9.934     | 2.449      | 4.152                | 42%              | 169,5%             |

## **D. Giải pháp thực hiện**

Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 như trên, BSR sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp như sau:

### **1. Giải pháp chung:**

– Duy trì sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng bộ, giữa HĐQT và Ban TGD để đảm bảo các chỉ đạo xuyên suốt, nhất quán, kịp thời và hiệu quả.

– Tiếp nhận tối đa sự ủng hộ của Tập đoàn, các cơ quan chức năng của tỉnh và các Bộ/Ngành liên quan.

### **2. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường**

– Định kỳ rà soát hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe và môi trường để không ngừng củng cố, hoàn thiện và duy trì việc áp dụng/tuân thủ hệ thống một cách đầy đủ và hiệu quả.

– Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ an ninh, bảo vệ có đủ năng lực, kinh nghiệm và đã nhiều năm triển khai dịch vụ bảo vệ cho NMLD. Đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống an ninh để góp phần nâng cao hiệu quả của công tác an ninh, bảo vệ của nhà máy.

– Thường xuyên giám sát việc áp dụng, tuân thủ các quy định liên quan đến an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ; kiểm tra và đảm bảo các hệ thống/thiết bị phòng cháy chữa cháy luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động khi cần; xây dựng văn hoá an toàn và tổ chức đào tạo/tái đào tạo, kiểm tra/tái kiểm tra các nội dung liên quan công tác an toàn, phòng chống cháy nổ.

– Tích cực, chủ động triển khai các biện pháp phù hợp với các chỉ đạo/hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và đặc thù của BSR để kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19; tổ chức tiêm vaccine cho 100% CBCNV với mục tiêu tiêm đủ 02 mũi tiêm/CBCNV và miễn dịch Covid-19 trong phạm vi BSR.

– Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ khám sức khỏe có uy tín và trang thiết bị hiện đại; tổ chức khám sức khỏe/sức khỏe nghề nghiệp định kỳ cho toàn bộ CBCNV.

– Thường xuyên giám sát các điểm xả (khí thải, nước thải, v.v...) và đầu tư các thiết bị đo trực tuyến (nếu cần thiết) để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu quy định đối với nước/khí thải trong giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn môi trường.

### **3. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác vận hành và bảo dưỡng**

– Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với khối nhà máy nói riêng và BSR nói chung.

– Bố trí đủ nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm; thường xuyên tổ chức đào tạo, kiểm tra kiến thức/quy trình/hướng dẫn/quy định liên quan đến các lĩnh vực phụ trách như vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị, quản lý chất lượng, v.v...

– Định kỳ rà soát hệ thống quy trình/hướng dẫn/quy định về vận hành, bảo dưỡng, kiểm tra thiết bị, quản lý chất lượng, v.v... để cải tiến/cập nhật/bổ sung nhằm không ngừng củng cố và hoàn thiện hệ thống quy trình/hướng dẫn/quy định về vận hành, bảo dưỡng.



–Lập kế hoạch kiểm tra và không ngừng xây dựng, củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu về độ tin cậy của thiết bị/hệ thống làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị/hệ thống. Thực hiện công tác bảo dưỡng đúng kế hoạch và đảm bảo chất lượng cao, ngày càng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm dần tỷ lệ bảo dưỡng sửa chữa.

–Tổ chức lựa chọn các nhà cung cấp nguyên vật liệu, vật tư/phụ tùng, trang thiết bị, xúc tác hoá phẩm, dịch vụ, v.v...đáp ứng tiến độ, chất lượng và số lượng đảm bảo yêu cầu vận hành và bảo dưỡng liên tục.

#### **4. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học**

–Bổ trí đủ nguồn lực có năng lực, kinh nghiệm phù hợp với nhiệm vụ/mục tiêu tối ưu hoá và nghiên cứu khoa học.

–Không ngừng trang bị/đào tạo kiến thức, phương pháp nghiên cứu, các phần mềm/công cụ, hợp tác, v.v... phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến hợp lý hoá sản xuất.

–Tiếp tục rà soát và cập nhật quy chế, quy trình liên quan đến sử dụng quỹ khoa học công nghệ và chế độ chính sách (ví dụ như trả thù lao bằng tỷ lệ % lợi nhuận mang lại của các đề tài/sáng kiến cho BSR, v.v...) nhằm đơn giản hoá các thủ tục, tạo động lực/kích lệ công tác nghiên cứu khoa học.

–Thường xuyên chia sẻ nhu cầu của đơn vị tiêu thụ/bao tiêu sản phẩm, bộ phận kinh doanh sản phẩm với bộ phận nghiên cứu khoa học để tổ chức nghiên cứu, sản xuất và bán sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu khách hàng/thị trường.

#### **5. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác mua dầu thô và bán sản phẩm**

–Ký hợp đồng mua các bản tin dự báo từ các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp; thường xuyên kết nối với các khách hàng lớn, đầu mối nhập khẩu xăng dầu, nhà sản xuất/cung cấp dầu thô, v.v... để có đầy đủ, kịp thời các thông tin về dự báo, cung-cầu dầu thô, sản phẩm làm cơ sở phân tích, đánh giá và chủ động xây dựng phương án SXKD, tồn kho và bán sản phẩm phù hợp cho từng giai đoạn/điều kiện thị trường.

–Thường xuyên trao đổi với nhà sản xuất/cung cấp dầu thô, bao tiêu sản phẩm để hoạch định chiến lược và chính sách mua dầu thô, bán sản phẩm phù hợp theo hướng hợp tác/ký hợp đồng dài hạn trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi.

–Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng trong việc mua dầu thô quốc tế với mục tiêu BSR có thể chủ động triển khai công tác mua dầu thô quốc tế trong tương lai.

#### **6. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác quản trị**

–Định kỳ rà soát các quy chế, quy định, quy trình, sổ tay, hướng dẫn, v.v... để cập nhật/sửa đổi/bổ sung (nếu cần thiết) nhằm ngày càng tối ưu, hoàn thiện hệ thống quản trị của BSR theo hướng tinh gọn, tối ưu và tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

– Tổ chức lựa chọn thành công nhà thầu tư vấn xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của BSR.

– Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà Nước, của Tập đoàn về quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả. Định kỳ (2 tuần/lần) cập nhật dòng tiền để theo dõi, kiểm soát và có giải pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

– Bố trí đủ nguồn lực và vốn để triển khai mạnh mẽ, quyết liệt các dự án chuyển đổi số, số hoá/điện tử hoá các báo cáo quản trị, công tác trình ký văn bản/hồ sơ thanh toán, v.v...

– Giám sát chặt chẽ nhà thầu tư vấn đảm bảo hoàn thành dự án ERP theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; tổ chức khai thác hiệu quả hệ thống ERP sau khi tư vấn hoàn thành và bàn giao cho BSR tiếp nhận và sử dụng.

– Bám sát các cấp thẩm quyền để làm rõ/giải trình các nội dung đề xuất của BSR nhằm đạt được các văn bản phê duyệt/chấp thuận/hướng dẫn đối với các khó khăn, vướng mắc của BSR.

– Giao và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí (SXKD, đầu tư và mua sắm TSCĐ) cho từng Ban chức năng để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch/mức phấn đấu được giao. Đồng thời, thường xuyên tổ chức rà soát để tìm kiếm các cơ hội tiết giảm chi phí góp phần giảm giá thành sản phẩm.

– Phát huy hiệu quả của các chuỗi liên kết giá trị hiện có và nghiên cứu triển khai các chuỗi liên kết mới có thể mang lại lợi ích cho BSR.

#### **7. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác tái cấu trúc**

– Thực hiện đầy đủ các hướng dẫn/chỉ đạo của Tập đoàn về công tác tái cấu trúc BSR; tinh gọn bộ máy quản lý.

– Hoàn thiện, triển khai áp dụng thử và tiến tới áp dụng hệ thống lương 3P cho toàn công ty.

– Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự thay thế; bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực kinh nghiệm và nhu cầu nhiệm vụ mới.

#### **8. Giải pháp để thực hiện thành công các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác đầu tư và quản trị danh mục đầu tư**

– Bố trí đủ nguồn nhân sự có năng lực, kinh nghiệm để triển khai các dự án đầu tư.

– Thường xuyên bám sát cấp có thẩm quyền để giải trình/làm rõ nhằm đạt được phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

– Tổ chức lựa chọn Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm quốc tế để triển khai lập Báo cáo nghiên cứu Tiền khả thi điều chỉnh (Pre-FS điều chỉnh), Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh (DFS điều chỉnh).

– Trích lập quỹ nghiên cứu phát triển, làm việc với các ngân hàng/tổ chức tín dụng trong và ngoài nước và các giải pháp khác (như tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu nếu



đủ điều kiện và cần thiết) để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư cho các dự án.

– Lập kế hoạch và tổ chức các đoàn giám sát định kỳ công tác đầu tư.

#### **9. Giải pháp thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch liên quan đến công tác khác**

– Lập kế hoạch chi phí và xây dựng chương trình đào tạo thường xuyên cho CBCNV BSR.

– Thành lập tổ hỗ trợ pháp lý để hỗ trợ BSR-BF chuẩn bị các thủ tục sẵn sàng chuyển giao cho ngân hàng theo quy định các hợp đồng tín dụng/hợp đồng vay vốn sau khi có chấp thuận chủ trương của Tập đoàn.

– Tổ chức tìm kiếm, liên kết với các đơn vị trong ngành để tìm kiếm và cung cấp các dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.

– Bố trí đủ nguồn lực để triển khai nhanh và hiệu quả các chương trình an sinh xã hội theo kế hoạch của Tập đoàn/BSR được duyệt.

– Không ngừng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ truyền thông nội bộ để ngày càng chuyên nghiệp và phát huy vai trò truyền thông một cách hiệu quả và kịp thời. Sử dụng công cụ, kênh truyền thông đa dạng giúp công ty chủ động giao tiếp với cộng đồng, nhà đầu tư. Đồng thời.

#### **E. Đề xuất kiến nghị**

Với các nội dung báo cáo nêu trên, Tổng giám đốc kính báo cáo Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận những đề xuất kiến nghị sau:

– Thông qua kế hoạch SXKD năm 2022;

– Ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2022 hoặc theo giá dầu thực tế, hoặc khi có sự thay đổi liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định;

– BSR căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2022 để lập và trình ĐHĐCĐ kế hoạch phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2022 (bao gồm kế hoạch chia cổ tức và kế hoạch trích lập các Quỹ) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.



## **PHỤ LỤC 03 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

### **I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Nhận thức được các khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt từ năm 2020 khi bị ảnh hưởng tác động kép của dịch Covid-19 và giá dầu giảm sâu, giá dầu thô và sản phẩm biến động bất thường với biên độ lớn, khoảng chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô bị thu hẹp nhiều so với kế hoạch, nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh trong nước, khu vực và toàn thế giới, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành (BDH) đề ra các kịch bản và giải pháp ứng phó với tình hình khó khăn của thị trường để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021.

Kết quả đạt được của năm 2021 được hỗ trợ lớn từ xu hướng giá dầu thế giới tăng từ cuối năm 2020 và sự nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh trong điều kiện chống dịch. Bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng với xu hướng tích cực của thị trường, với tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý, điều hành, BSR đã vượt qua giai đoạn được đánh giá là rất khó khăn, thách thức vừa qua. HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của BDH, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2021 Công ty cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Nhà máy); mở rộng nguồn dầu thô và chế biến 06 loại dầu thô mới là Forcados (Nigeria), Qua Iboe (Nigeria), Cabinda (Angola), Minas (Indonesia), Bu Attifel (Libya) và Sông Đốc (Việt Nam) với hiệu quả chế biến và tỷ lệ phối trộn cao; đa dạng hóa sản phẩm khi sản xuất và xuất bán các sản phẩm có giá trị cao cũng như tận dụng cơ hội giá tăng trong thời gian qua như hạt nhựa PP chủng loại T3050, T3045, I-3085 và I-3150.

#### **1. Về kết quả sản xuất kinh doanh**

– Năm 2021, BSR đã vượt qua giai đoạn rất khó khăn khi dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4, đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn, ổn định ở các mức công suất phù hợp đạt trung bình khoảng 98,80% so với thiết kế, góp phần quan trọng hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2021 của Công ty.

– Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2021 theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:



| Stt       | Các chỉ tiêu chủ yếu      | ĐVT     | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | % TH năm 2021 so với KH năm 2021 |
|-----------|---------------------------|---------|-------------------|--------------------|----------------------------------|
| A         | B                         | C       | 1                 | 2                  | 3=2/1                            |
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu sản lượng</b> |         |                   |                    |                                  |
| 1         | Sản lượng sản xuất        | Tấn     | 6.497.587         | 6.528.804          | 100,48%                          |
| 2         | Sản lượng tiêu thụ        |         | 6.497.587         | 6.423.553          | 98,86%                           |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính</b> |         |                   |                    |                                  |
| 1         | Tổng doanh thu            | Tỷ đồng | 70.898,30         | 102.129,96         | 144,05%                          |
| 2         | Lợi nhuận sau thuế        |         | 870               | 6.683,54           | 768,22%                          |
| 3         | Nộp NSNN                  |         | 7.706,50          | 11.379,34          | 147,66%                          |

## 2. Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra

### 2.1. Công tác chiến lược, kế hoạch:

– Thực hiện Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công các loại dầu mới để mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (Bạch Hổ, Đại Hùng); đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; tích cực triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất phù hợp với tình hình mới và hiệu quả tổng thể cho công ty; cắt giảm chi phí hoạt động; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp và hoàn thiện, kiện toàn cơ cấu tổ chức; nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động; Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.

– Việc chế biến thành công các loại dầu thô mới giúp BSR tăng cường sự linh hoạt trong nguồn cung cấp dầu thô trữ lượng lớn, chất lượng và giá cả hợp lý; Việc xây dựng các kịch bản và các giải pháp ứng phó với khó khăn kịp thời, phù hợp đã giúp BSR vượt qua giai đoạn rất khó khăn, thách thức của năm 2021.

### 2.2. Công tác quản trị:

– Tập trung nâng cao hệ thống quản trị ở tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Hoàn thiện các hệ thống quản trị nội bộ, xây dựng và hoàn chỉnh các chiến lược, mục tiêu kinh doanh. Tiếp tục thực hiện hoàn thiện các Quy chế/quy trình quản trị nội bộ theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

– Đẩy mạnh triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty và công tác số hóa.

### 2.3. Công tác khác:

– Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ vấn đề an toàn và môi trường là vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy

định của pháp luật về môi trường. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.

– BSR đã thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp triệt để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động, xây dựng các phương án và triển khai nhiều biện pháp phòng chống dịch. Đến nay, toàn bộ Người lao động Công ty đã tiêm đủ 3 mũi Vắc xin, công tác phòng chống dịch nghiêm túc thực hiện theo các quy định của cơ quan thẩm quyền, đưa ra giải pháp đảm bảo an toàn cho nguồn nhân lực thực hiện vận hành Nhà máy.

– Ngoài ra, thực hiện chủ trương lớn của Công ty là phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với công tác an sinh xã hội (ASXH), BSR thực hiện ASXH tại các địa phương trong và ngoài tỉnh Quảng Ngãi. Chương trình ASXH năm 2021-2022 có tổng kinh phí: 40 tỷ đồng. Công ty thực hiện các chương trình ASXH, quan hệ cộng đồng khác như: Tổ chức chương trình Tết vì người nghèo năm 2021, trao học bổng khuyến học, khuyến tài, cứu trợ đồng bào lũ lụt...

– Công tác hỗ trợ, phòng chống dịch bệnh Covid-19: BSR tài trợ 20 tỷ đồng cho Quỹ Vắc xin phòng Covid-19; hỗ trợ 12,6 tỷ đồng để mua 30 máy thở dòng chức năng cao nhằm máy thở cho bệnh viện các tỉnh đang bùng phát dịch bệnh Covid-19 theo đề nghị của Bộ Y tế; Ngoài ra, Công ty và tập thể người lao động đã đóng góp hơn 1,5 tỷ đồng để hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phòng chống dịch Covid-19.

## **II. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **1. Phương thức giám sát:**

Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định của HĐQT năm 2021 như sau:

– Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2021 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.

– Cử đại diện tham dự các cuộc họp thường kỳ của BDH về hoạt động SXKD và giao ban định kỳ hàng tháng/quý nhằm kịp thời hỗ trợ, chỉ đạo và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban TGD, bộ máy giúp việc cho Ban TGD và Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

– Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.

– Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.

– Giám sát các đơn vị thành viên, liên kết thông qua Quy chế người đại diện của Công ty tại các công ty con/công ty liên kết, Quy chế quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

### **2. Kết quả giám sát:**

Năm 2021, HĐQT đánh giá BDH đã hoàn thành tốt vai trò điều hành SXKD, nỗ lực hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể như sau:

– BDH đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động điều hành Công ty theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị doanh nghiệp cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

– BSR vượt các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch của năm 2021, triển khai đồng bộ, xây dựng các kịch bản và triển khai hiệu quả các giải pháp ứng phó với khó khăn của thị trường, đặt biệt trong giai đoạn bùng phát dịch Covid-19 lần thứ tư.

– Không ngừng cải tiến nâng cao năng lực quản trị, điều hành sâu sát, linh hoạt và quyết liệt qua đó giúp BSR triển khai bài bản và ứng dụng hiệu quả các công cụ hỗ trợ công tác quản trị.

– Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

### III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

#### 1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018-2022 có 6 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 04 Thành viên không điều hành.

| Stt | Hội đồng quản trị | Chức vụ    | Số cổ phần đại diện | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ |
|-----|-------------------|------------|---------------------|-------------------|--------------------------|
| 1.  | Nguyễn Văn Hội    | Chủ tịch   | 1.147.384.859       | 10.400            | 37%                      |
| 2.  | Bùi Ngọc Dương    | Thành viên | 930.149.885         | 0                 | 30%                      |
| 3.  | Hà Đồng           | Thành viên | 465.074.942         | 0                 | 15%                      |
| 4.  | Khương Lê Thành   | Thành viên | 313.770.561         | 3.400             | 10%                      |
| 5.  | Nguyễn Bá Phước   | Thành viên | 0                   | 0                 |                          |
| 6.  | Nguyễn Hải Âu     | Thành viên | 0                   | 0                 |                          |

Trong nhiệm kỳ 2018-2022, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Lê Xuân Huyền, ông Nguyễn Quang Hòa, ông Trần Ngọc Nguyên, ông Bùi Minh Tiến, bầu bổ sung giữ chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Hải Âu, ông Khương Lê Thành, ông Nguyễn Văn Hội, ông Bùi Ngọc Dương.

#### 2. Hoạt động của HĐQT:

Giai đoạn 2018-2021, với sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, BSR đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó HĐQT đã có các giải pháp quản trị kịp thời để cùng Ban điều hành ứng phó hiệu quả với tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR năm 2020, 2021.

Hoạt động của HĐQT được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ; HĐQT đã có phân công tương đối cụ thể, rõ ràng các lĩnh vực phụ trách và chịu trách nhiệm chỉ đạo cho từng thành viên HĐQT nhằm nâng cao chất lượng chỉ đạo và giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH; các thành viên HĐQT cùng có ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trước khi HĐQT ra quyết định. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc BDH triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của

HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo việc ban hành kịp thời các văn bản quản lý nội bộ quan trọng của BSR như Quy chế mua sắm, Quy chế quản lý đầu tư, ... để nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp theo thông lệ và quy định pháp luật hiện hành; Bên cạnh đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát định kỳ một số mảng công tác của Ban Điều hành như kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý vật tư, thiết bị giai đoạn 2019-2020; Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm giai đoạn năm 2019-2020.

Năm 2021, HĐQT đã thực hiện 19 cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng và thực thi kế hoạch SXKD, các dự án đầu tư trọng điểm; xây dựng chiến lược phát triển của Công ty; định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro Công ty; các giải pháp ứng phó với tác động của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư, ... bao gồm một số nội dung chính như: (i) phương hướng triển khai dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất giai đoạn tiếp theo; (ii) đàm phán và ký kết các hợp đồng dài hạn về cung cấp dầu thô, nhằm ổn định về nguồn cung cấp dầu thô cho NMLD Dung Quất; (iii) văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; (iv) triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP); (v) Các cơ hội phát triển cấu hình công nghệ NMLD Dung Quất để đáp ứng tiêu chuẩn sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm; (vi) phương án xử lý tiếp theo đối với Dự án Nhiên liệu sinh học Dung Quất; (vii) Chủ trương xây dựng các cơ chế bảo hộ cho BSR báo cáo xin chủ trương của các cấp thẩm quyền nhằm hỗ trợ cho hoạt động SXKD và chiến lược phát triển của Công ty. Ngoài các cuộc họp trực tiếp, HĐQT đã thông qua các văn bản của HĐQT theo phương thức lấy ý kiến các thành viên qua các Phiếu ý kiến.

Năm 2021, HĐQT đã ban hành 31 nghị quyết, 140 quyết định và hơn 205 văn bản khác, trong đó có các nghị quyết/quyết định quan trọng như sau:

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------|------------|---|
| 1.  | 04836/NQ-BSR  | 31/12/2021 | Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương BSR nhận chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ dự án NCMR NMLD Dung Quất.               |
| 2.  | 04822/NQ-BSR  | 31/12/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 3.  | 04821/NQ-BSR  | 31/12/2021 | Nghị quyết về việc gia hạn khoản mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng MUFG Bank, Ltd - Chi nhánh Thành phố Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR                                  |
| 4.  | 04820/NQ-BSR  | 31/12/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng BNP Paribas Việt nam do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội làm đầu mối để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR |

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------|------------|--|
| 5.  | 04786/NQ-BSR  | 29/12/2021 | Nghị quyết về việc thông qua kết quả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản   |
| 6.  | 04766/NQ-BSR  | 28/12/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 2.800 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR  |
| 7.  | 04539/NQ-BSR  | 16/12/2021 | Nghị quyết về việc chấp thuận tái tục tín dụng ngắn hạn với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - CN TP Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 8.  | 04343/NQ-BSR  | 08/12/2021 | Nghị quyết v/v nộp một phần lợi nhuận còn lại trước Cổ Phần hóa về PVN   |
| 9.  | 03863/NQ-BSR  | 05/11/2021 | Nghị quyết về việc công tác cán bộ   |
| 10. | 03805/NQ-BSR  | 03/11/2021 | Nghị quyết v/v thông qua lập Danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản  |
| 11. | 03555/NQ-BSR  | 13/10/2021 | Nghị quyết về công tác cán bộ  |
| 12. | 03355/NQ-BSR  | 29/09/2021 | Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương chỉ định nhà cung cấp đối với gói thầu "Thuê đơn vị tư vấn nghiên cứu tối ưu hóa phương án nâng cấp và đa dạng hóa sản phẩm của NMLD Dung Quất theo đơn hàng 620/21-2705/ĐH-NCPT-O" |
| 13. | 03000/NQ-BSR  | 13/09/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt bổ sung Ngân hàng giao dịch và khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - CN Hà Nội để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 14. | 02778/NQ-BSR  | 18/08/2021 | Nghị quyết phê duyệt khoản tín dụng 1.500 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR  |
| 15. | 02777/NQ-BSR  | 18/08/2021 | Nghị quyết phê duyệt khoản tín dụng 9.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 16. | 02517/NQ-BSR  | 22/07/2021 | Nghị quyết về công tác cán bộ  |

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------|------------|---|
| 17. | 02439/NQ-BSR  | 16/07/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR  |
| 18. | 02414/NQ-BSR  | 13/07/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt kinh phí thực hiện Chương trình ASXH của BSR năm 2021-2022   |
| 19. | 01866/NQ-BSR  | 14/06/2021 | Nghị quyết v/v phê duyệt tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 20. | 01863/NQ-BSR  | 14/06/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Vietinbank để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 21. | 01742/NQ-BSR  | 02/06/2021 | Nghị quyết về việc giải tỏa cổ phần hết hạn hạn chế chuyển nhượng trong đợt bán cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc của người lao động cho Công ty cổ phần sau cổ phần hóa |
| 22. | 01713/NQ-BSR  | 31/05/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR   |
| 23. | 01459/NQ-BSR  | 05/05/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn   |
| 24. | 01368/NQ-BSR  | 27/04/2021 | Nghị quyết về việc công tác cán bộ  |
| 25. | 00978/NQ-BSR  | 25/03/2021 | Nghị quyết về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của BSR   |
| 26. | 00601/NQ-BSR  | 01/03/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng VN để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR  |
| 27. | 00403/NQ-BSR  | 04/02/2021 | Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của BSR  |
| 28. | 00293/NQ-BSR  | 01/02/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2021 tạm thời của BSR  |
| 29. | 00094/NQ-BSR  | 14/01/2021 | Nghị quyết về việc chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2021  |
| 30. | 00038/NQ-BSR  | 08/01/2021 | Nghị quyết v/v hỗ trợ kinh phí nhằm duy trì hoạt động tối thiểu, bảo vệ tài sản Nhà máy NLSH Dung Quất  |

| Stt | Số Nghị quyết | Ngày       | Nội dung   |
|-----|---------------|------------|--|
| 31. | 00022/NQ-BSR  | 06/01/2021 | Nghị quyết về việc phê duyệt khoản tín dụng 9.000 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam để phục vụ nhu cầu vốn lưu động cho BSR |

### 3. Báo cáo hoạt động của từng thành viên HĐQT:

Căn cứ kế hoạch hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm 2021, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các vấn đề trọng yếu (về hoạt động, tài chính, kinh doanh dầu thô, sản phẩm, thương mại, dự án đầu tư, an ninh an toàn, tuân thủ và quản lý rủi ro...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT đã tập trung xem xét chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm, bao gồm: ứng phó với tác động của dịch bệnh Covid-19, chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, thực hiện công tác tái cấu trúc, hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, cải thiện chất lượng công tác pháp chế và quản lý rủi ro, triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, cập nhật chiến lược dầu thô, đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, tối ưu công suất Nhà máy phù hợp với thị trường, nâng cao công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin...

HĐQT thống nhất phân công nhiệm vụ của từng Thành viên HĐQT như sau:

| STT | Thành viên HĐQT                           | Lĩnh vực phụ trách  |
|-----|---|---|
| 1.  | Nguyễn Văn Hội - Chủ tịch HĐQT            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ trách chung, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan.</li> <li>- Công tác tái cấu trúc Công ty.</li> <li>- Chiến lược phát triển Công ty.</li> <li>- Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.</li> </ul> |
| 2.  | Bùi Ngọc Dương - Thành viên HĐQT kiêm TGD | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của TGD theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản Pháp luật liên quan;</li> <li>- Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán.</li> </ul>  |
| 3.  | Hà Đông - Thành viên HĐQT                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám sát tổng thể Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5)</li> <li>- Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (NCMR);</li> <li>- Công ty dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).</li> </ul>                          |

| STT | Thành viên HĐQT                      | Lĩnh vực phụ trách   |
|-----|--------------------------------------|--|
| 4.  | Nguyễn Bá Phước -<br>Thành viên HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các dự án Đầu tư;</li> <li>- Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm;</li> <li>- Tổ chức nhân sự, chế độ chính sách.</li> <li>- Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Công tác truyền thông;</li> <li>- Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building).</li> </ul>  |
| 5.  | Nguyễn Hải Âu -<br>Thành viên HĐQT   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác pháp chế, bảo hiểm;</li> <li>- Kiểm soát, kiểm toán nội bộ;</li> <li>- Quan hệ cổ đông; truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông.</li> <li>- Công tác mua sắm tài sản cố định;</li> <li>- Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản;</li> <li>- Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất;</li> <li>- Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ.</li> <li>- Giám sát Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).</li> </ul> |
| 6.  | Khương Lê Thành -<br>Thành viên HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường và phòng cháy chữa cháy;</li> <li>- Quản lý chất lượng;</li> <li>- Văn hóa doanh nghiệp;</li> <li>- Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;</li> <li>- Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất;</li> <li>- Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty.</li> <li>- Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).</li> </ul>           |

Năm 2021, HĐQT Công ty làm việc theo nguyên tắc các thành viên HĐQT cho ý kiến tất cả các vấn đề mà HĐQT xử lý. Đa số các thành viên HĐQT hoạt động theo cơ chế chuyên trách nên nắm bắt kịp thời, sát sao tình hình hoạt động của Công ty, thường xuyên chỉ đạo và cho ý kiến/biểu quyết độc lập đối với các nội dung/tờ trình do Ban TGD trình. HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc quyền hạn HĐQT. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được thành viên HĐQT xem xét cẩn thận, giám sát, chỉ đạo hoạt động Ban TGD và được ban hành dưới các hình thức văn bản như nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của HĐQT. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được thông báo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đến Ban TGD và Ban Kiểm soát.



Những thành viên HĐQT là đại diện cho phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, ngoài nhiệm vụ tuân thủ các quy định của pháp luật và chế độ quản trị doanh nghiệp thì thành viên HĐQT còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn vốn theo quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã cùng với Ban TGD Công ty đã hết sức nỗ lực trong việc áp dụng những giải pháp linh hoạt kịp thời ứng phó với các tác động không thuận lợi của thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực và đem lại các kết quả tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

#### 4. Đào tạo về quản trị Công ty:

Tất cả các thành viên liên quan đều đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ BSR và đã được đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm 2021, các Thành viên HĐQT có tham gia một số khóa đào tạo/hội thảo như khóa đào tạo “Quản trị Doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất- Best Practices Coporate Governance” do các chuyên gia về quản trị quốc tế giảng dạy, chia sẻ; Khóa đào tạo/hội thảo của Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam như Hội thảo Trực tuyến "Triển khai Thực hiện Bộ Nguyên tắc QTCT theo Thông lệ Tốt nhất; Sự kiện Công bố Kết quả Khảo sát Thù lao - Lương - Thưởng dành cho thành viên HĐQT & Ban điều hành năm 2020.

#### 5. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan:

Trong năm 2021, giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như sau:

| Stt. | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ                    | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2021) |           | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2021) |           | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|------|---------------------------|---|--|-----------|---|-----------|--|
|      |                           |   | Số cổ phiếu                            | Tỷ lệ (%) | Số cổ phiếu                             | Tỷ lệ (%) |  |
| 1    | Nguyễn Hải Âu             | TV HĐQT                                     | 10.000                                 | 0,00032   | 0                                       | 0         | Bán  |
| 2    | Hà Đồng                   | TV HĐQT                                     | 2.000                                  | 0,00006   | 0                                       | 0         | Bán  |
| 3    | Nguyễn Thị Nghiêm         | Người có liên quan của Trưởng ban kiểm soát | 500                                    | 0,00002   | 0                                       | 0         | Bán  |

6. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn Điều lệ trở lên với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

| STT | Số văn bản     | Ngày ban hành | Nội dung  |
|-----|----------------|---------------|---|
| 1.  | 1860//BSR-HĐQT | 14/06/2021    | Chấp thuận chủ trương xuất bán bổ sung term cho PV Building |

| STT | Số văn bản | Ngày ban hành | Nội dung |
|-----|------------|---------------|----------|
|     |            |               |          |

*Ông Trần Đoàn Thịnh - PTGD BSR từng là Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) trong 03 năm gần nhất.*

**7. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

**8. Công tác cán bộ:**

Trong năm 2021, HĐQT đã ra quyết định miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Bùi Minh Tiến, bổ nhiệm ông Bùi Ngọc Dương làm Tổng Giám đốc; ĐHCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Bùi Minh Tiến, quyết định bầu ông Bùi Ngọc Dương giữ chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2022.

**9. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng Thành viên HĐQT:**

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của HĐQT và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2021 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo, ... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí, ... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

Dự báo tình hình thị trường dầu mỏ năm 2022 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường và nhiều khó khăn thách thức. HĐQT đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

**1. Công tác an ninh, an toàn, sản xuất kinh doanh**

– Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

– Tập trung vận hành NMLD Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả SXKD của BSR.

– Thường xuyên duy trì và bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường.

**2. Công tác vận hành Nhà máy và sản xuất kinh doanh sản phẩm**



– Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại dầu mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô cho Nhà máy; nghiên cứu, đánh giá các nguồn nguyên liệu trung gian cho chế biến để nâng cao hiệu quả cho nhà máy. Xây dựng chiến lược mua dầu thô dài hạn (tối thiểu từ 3-5 năm) và triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng cung cấp dầu thô dài hạn (từ 3-5 năm) cho 50%-80% nhu cầu dầu thô chế biến của Nhà máy.

– Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ hóa phẩm xúc tác, vật tư tiêu hao, danh mục vật tư phụ tùng thay thế (spare parts), v.v... (gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát, v.v... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR.

– Thường xuyên theo dõi, đánh giá và dự báo tình trạng hoạt động của các trang thiết bị/hệ thống để lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ hiệu quả và chi phí tối ưu, đảm bảo an toàn vận hành và hoạt động ổn định cho Nhà máy, đồng thời không ngừng nâng cao tỷ lệ bảo dưỡng ngăn ngừa và giảm thiểu công tác bảo dưỡng sửa chữa.

– Nâng cao năng lực và tăng cường ứng dụng các giải pháp khoa học & công nghệ để góp phần nâng cao năng suất lao động, mức độ an toàn, tin cậy thiết bị/vận hành của Nhà máy, chất lượng sản phẩm; giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

– Chủ động, linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm phù hợp với nhu cầu, điều kiện/xu hướng thị trường và năng lực sản xuất/tồn trữ của BSR.

### **3. Công tác quản trị doanh nghiệp**

– Khẩn trương xây dựng chiến lược, trọng tâm phát triển BSR đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 làm định hướng triển khai xuyên suốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD cho BSR. Phấn đấu xây dựng và hoàn thiện khung quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng hệ thống ERP của BSR.

– Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh nhằm xây dựng phương án mua dầu thô, sản xuất kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro nâng cao hiệu quả kinh doanh của BSR.

– Thường xuyên rà soát, nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tiết giảm chi phí SXKD, đầu tư và mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của BSR.

– Nghiên cứu, xây dựng chính sách nhân sự, lương thưởng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động và thu hút nhân sự chất lượng cao.

– Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao công tác quản trị để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả điều hành SXKD.

– Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên và chương trình gặp gỡ nhà đầu tư năm 2022 (dự kiến trong Quý 2) theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

#### **4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

– Khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt/chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất theo hướng tập trung nâng cấp chất lượng sản phẩm để đạt tiêu chuẩn chất lượng mức 5 và tối ưu hóa đầu nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế của Dự án, phù hợp với xu thế thị trường.

– Sau khi Dự án NCMR NMLD Dung Quất được cấp thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, khẩn trương triển khai các bước tiếp theo của Dự án điều chỉnh theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

– Tiếp tục đánh giá, triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo hiệu quả, kịp thời, tiết kiệm và phát huy tối đa mục tiêu đầu tư, mua sắm.

– Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, đảm bảo nguồn vốn triển khai và không làm ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của công tác đầu tư, mua sắm.

#### **5. Công tác tái cấu trúc**

– Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2; khẩn trương xây dựng, trình PVN xem xét, phê duyệt đề án tái cơ cấu BSR giai đoạn đến năm 2025.

– Sẵn sàng các thủ tục, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, Tập đoàn để: (i) hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa của BSR; (ii) thoái vốn tại PMS, PVOS ngay sau khi có hướng dẫn của cấp thẩm quyền; (iii) Xem xét, đánh giá thực tiễn tình hình SXKD tại Công ty con PV Building để phân tích, đề xuất công tác tái cấu trúc tại PV Building một cách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển của BSR trong thời gian tới.

#### **6. Các nhiệm vụ khác**

– Tiếp tục bám sát các cấp thẩm quyền để hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho BSR liên quan đến tiền gửi của BSR tại Oceanbank; các chính sách ưu đãi thuế cho NMLD hiện hữu và cho Dự án NCMR; miễn thuế bảo vệ môi trường đối với việc đốt FO (tiêu thụ nội bộ), v.v...

– Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và bảo dưỡng cho các nhà máy khác.

– Hoàn thiện Đề án xây dựng/tái tạo văn hóa doanh nghiệp/BSR. Thực hiện tốt công tác truyền thông để không ngừng quảng bá thương hiệu.

– Nghiên cứu Đề án xây dựng Trung tâm Nghiên cứu phát triển/Trung tâm đổi mới sáng tạo.

– Phân đấu đưa cổ phiếu BSR niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh khi đủ điều kiện.

– Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông giao.

Phụ lục 04

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021 VÀ  
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

**Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):**

**1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.**

Trên cơ sở các cuộc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động thực tế tại BSR và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát đã có những báo cáo giám sát chuyên đề và thực hiện Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, theo năm (*nội dung thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 đính kèm*). Trong năm 2021 tình hình tài chính của BSR được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

**Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh**

Trong năm 2021 Nhà máy hoạt động ổn định với công suất bình quân trên 100% công suất thiết kế. Năm 2021, mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 rất khó khăn nhưng BSR đã hoàn thành chỉ tiêu về sản xuất, tiêu thụ đạt 98,86% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng sản lượng sản xuất đạt khoảng 6,52 triệu tấn và tiêu thụ đạt khoảng 6,42 triệu tấn. Doanh thu (hợp nhất) đạt 102,13 ngàn tỷ đồng. Nộp ngân sách nhà nước 11,38 ngàn tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 6,68 ngàn tỉ đồng.

| Stt        | Nội dung                             | ĐVT     | Thực hiện Năm 2020 | Năm 2021  |           |
|------------|--------------------------------------|---------|--------------------|-----------|-----------|
|            |                                      |         |                    | Kế hoạch  | Thực hiện |
| <b>I</b>   | <b>Chỉ tiêu sản lượng</b>            |         |                    |           |           |
| 1          | Sản lượng sản xuất                   | Tấn     | 5.930.486          | 6.497.587 | 6.528.804 |
| 2          | Sản lượng tiêu thụ                   |         | 5.922.021          | 6.497.587 | 6.423.553 |
| <b>II</b>  | <b>Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)</b> |         |                    |           |           |
| 1          | Tổng doanh thu                       | Tỷ đồng | 58.651,1           | 70.898,3  | 102.130,0 |
| 2          | Nộp NSNN                             |         | 6.255,7            | 7.706,5   | 11.379,3  |
| 3          | Lợi nhuận trước thuế                 |         | -2.852,4           | 871,4     | 6.940,7   |
| 4          | Lợi nhuận sau thuế                   |         | -2.858,1           | 870,0     | 6.683,5   |
| <b>III</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b> |         |                    |           |           |
| 1          | Tổng doanh thu                       | Tỷ đồng | 58.587,0           | 70.660,6  | 102.068,7 |
| 2          | Nộp NSNN                             |         | 6.241,5            | 7.697,6   | 11.366,7  |
| 3          | Lợi nhuận trước thuế                 |         | -2.812,5           | 864,3     | 7.031,5   |
| 4          | Lợi nhuận sau thuế                   |         | -2.812,4           | 864,3     | 6.776,7   |

**Các chỉ số tài chính:**

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn được thể hiện trong bảng sau:

| STT       | Chỉ tiêu                            | Đơn vị tính | BCTC riêng công ty mẹ |               | BCTC hợp nhất |               |
|-----------|-------------------------------------|-------------|-----------------------|---------------|---------------|---------------|
|           |                                     |             | 2020                  | 2021          | 2020          | 2021          |
| <b>A</b>  | <b>Tình hình tài sản, nguồn vốn</b> |             |                       |               |               |               |
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>                 | Tỉ đồng     | <b>54,509</b>         | <b>65,476</b> | <b>55,895</b> | <b>66,796</b> |
| <b>1</b>  | <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | Tỉ đồng     | <b>29,842</b>         | <b>44,371</b> | <b>29,997</b> | <b>44,544</b> |
| 2         | Tiền và các khoản tương đương tiền  | Tỉ đồng     | 12,767                | 16,314        | 12,792        | 16,346        |
| 3         | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | Tỉ đồng     | 902                   | 4,102         | 958           | 4,190         |
| 4         | Các khoản phải thu ngắn hạn         | Tỉ đồng     | 7,772                 | 13,581        | 7,814         | 13,601        |
| 5         | Hàng tồn kho                        | Tỉ đồng     | 8,360                 | 10,328        | 8,387         | 10,358        |
| 6         | Tài sản ngắn hạn khác               | Tỉ đồng     | 41                    | 46            | 46            | 50            |
| 7         | Tài sản dài hạn                     | Tỉ đồng     | 24,667                | 21,105        | 25,898        | 22,251        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b>               | Tỉ đồng     | <b>54,509</b>         | <b>65,476</b> | <b>55,895</b> | <b>66,796</b> |
| 1         | Nợ ngắn hạn                         | Tỉ đồng     | 19,201                | 25,557        | 20,407        | 26,940        |
| 2         | Nợ dài hạn                          | Tỉ đồng     | 4,269                 | 2,281         | 4,423         | 2,291         |
| 3         | Vốn chủ sở hữu                      | Tỉ đồng     | 31,039                | 37,638        | 31,065        | 37,564        |
| <b>B</b>  | <b>Hệ số khả năng thanh toán</b>    |             |                       |               |               |               |
| 1         | Hệ số thanh toán hiện hành          | lần         | 1.55                  | 1.74          | 1.47          | 1.65          |
| 2         | Hệ số thanh toán nhanh hiện hành    | lần         | 1.12                  | 1.33          | 1.06          | 1.27          |
| 3         | Hệ số nợ/Tổng tài sản               | lần         | 0.43                  | 0.43          | 0.44          | 0.44          |
| 4         | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu             | lần         | 0.76                  | 0.74          | 0.80          | 0.78          |

Nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn và cao hơn năm 2020.

### Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Về bảo toàn và phát triển vốn: Năm 2021 BSR lãi sau thuế 6,68 ngàn tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,212

| Chỉ tiêu                          | Đơn vị tính | BCTC riêng công ty mẹ |        | BCTC hợp nhất |        |
|-----------------------------------|-------------|-----------------------|--------|---------------|--------|
|                                   |             | 2020                  | 2021   | 2020          | 2021   |
| 1. Vốn chủ sở hữu                 | Tỉ đồng     | 31,039                | 37,638 | 31,065        | 37,564 |
| 2. Tổng tài sản                   | Tỉ đồng     | 54,509                | 66,796 | 55,895        | 66,796 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế             | Tỉ đồng     | -2,812                | 6,777  | -2,858        | 6,684  |
| 4. Hiệu quả sử dụng vốn           |             |                       |        |               |        |
| - Tỉ suất LNST/VCSH (ROE)         | %           | -9.06                 | 18.00% | -9.2          | 17.79% |
| - Tỉ suất LNST/Tổng tài sản (ROA) | %           | -5.16                 | 10.15% | -5.11         | 10.01% |

|                      |  |      |      |      |      |
|----------------------|--|------|------|------|------|
| - Hệ số bảo toàn vốn |  | 0.91 | 1.21 | 0.91 | 1.21 |
|----------------------|--|------|------|------|------|

## Công tác đầu tư tài chính

Tại thời điểm 31/12/2021, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- + Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Nhà máy NLSH Dung Quất hiện đang dừng hoạt động. Hiện nay, BSR-BF đang thực hiện xử lý vướng mắc, tồn tại của Dự án Nhà máy NLSH Dung Quất theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017. Tại thời điểm 31/12/2021, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 206 tỷ đồng (không bao gồm khoản 536 tỷ BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).
- + Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): tỷ lệ cổ phần nắm giữ của BSR tại PVBuilding là 83,26% vốn điều lệ.
- + Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ.
- + Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Tại 31/12/2021, BSR đang phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này là 1,26 tỷ đồng.

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/01/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

## Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2021 của BSR:

Trong BCTC riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

### *Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số ngân hàng đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện này.

### ***Ý kiến của Ban Kiểm soát***

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte phù hợp, mang tính khách quan. Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa, thay đổi thời gian phân bổ chi phí và có nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện tại BSR BF có thể phát sinh điều chỉnh kết quả xuất kinh doanh năm 2021 khi cơ quan có thẩm quyền có các quyết định cuối cùng.

### **Công tác tái cấu trúc:**

Công ty đang tiếp tục triển khai công tác tái cơ cấu, tìm cổ đông chiến lược cho công ty; Thực hiện thoái vốn đầu tư của BSR tại các công ty con.

Đánh giá chung: công tác tìm cổ đông chiến lược không có tiến triển. Công tác thoái vốn của BSR tại PV Building, PMS còn có vướng mắc do phải thực hiện theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ.

### **Công tác quản trị doanh nghiệp**

Công tác quản trị luôn được Ban Lãnh đạo Công ty chú trọng hàng đầu, đưa vào ứng dụng và triển khai hiệu quả các hệ thống quản trị hiện đại, đơn vị cũng hoàn thiện chiến lược phát triển Công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Đang triển khai xây dựng chương trình quản trị ERP;
- Công ty thường xuyên thực hiện công tác giám sát hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, tăng cường hệ thống báo cáo quản trị ...;
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Từng bước ứng dụng quản trị hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ thông tin; Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của người đứng đầu BSR đối với người đại diện vốn của BSR tại doanh nghiệp khác; Chỉ thực hiện đầu tư mới vào lĩnh vực kinh doanh chính và có hiệu quả sau khi được Tập đoàn phê duyệt.

## **2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

Trong năm 2021 HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và Ban TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2021 của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của



pháp luật và Công ty. Ban TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

Ban TGD đã nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty một cách linh hoạt, luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao công tác quản trị, điều hành, thực hiện tốt tối đa hóa sản xuất, tiết kiệm, tiết giảm chi phí, chủ động trong công tác mua đầu thô, tiêu thụ sản phẩm và đã hoàn thành các chỉ tiêu SXKD của năm.

### **3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT:**

Ban kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

### **4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và cổ đông.**

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và Ban TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2021 BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

### **5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.**

Trong năm 2021, HĐQT phê duyệt giao dịch của Công ty với Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building). Ông Trần Đoàn Thịnh - Phó Tổng Giám đốc BSR là Thành viên Hội đồng quản trị PV Building. Chi tiết như sau:

| STT | Số văn bản     | Ngày ban hành | Nội dung  |
|-----|----------------|---------------|---|
| 1.  | 1860//BSR-HĐQT | 14/06/2021    | Chấp thuận chủ trương xuất bán bổ sung term cho PV Building |

## **6. Tổng kết các cuộc họp của BKS, các kết luận, kiến nghị của BKS.**

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

### **- Ông Phạm Ngọc Quý – Trưởng BKS**

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm; định mức kinh tế - kỹ thuật; công tác nhân sự, đào tạo.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

### **- Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:**

- Kiểm tra các hoạt động liên quan đến công tác tài chính, xem xét các hoạt động của Ban Tài chính Kế toán Công ty.
- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính.
- Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn tại Công ty
- Tham gia xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

### **- Ông Vũ Lê Huy – Thành viên BKS không chuyên trách**

- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tại đơn vị dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty;

- Sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng ban; giám sát việc thực hiện kiến nghị các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, .... Qua đó, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị kịp thời đến HĐQT, Ban TGD Công ty.

BKS thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý để đánh giá các nội dung hoạt động của BKS, kế hoạch triển khai các công việc trong quý tiếp theo. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các cuộc họp BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty, cụ thể:

| <b>Thời điểm</b> | <b>Nội dung Ý kiến-Kiến nghị của BKS đối với HĐQT, TGD Công ty</b>   | <b>Đánh giá của BKS về phản hồi của Ban điều hành</b>   |
|------------------|--|---|
| Quý I            | - Không có kiến nghị   |   |
| Quý II           | - Không có kiến nghị   |   |
| Quý III          | - Kiến nghị Ban điều hành Công ty chú trọng với các thông tin về điều hành của Chính phủ đối với dịch bệnh Covid19 để có các quyết sách kịp thời nhằm tránh bị động trong công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện dịch bệnh vẫn có thể bùng phát.   | Ban điều hành đã thực hiện rất tốt các biện pháp tiết kiệm, giãn dự án đầu tư, cắt giảm chi phí để ứng phó với việc giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid |
| Quý IV           | -Kiến nghị Ban điều hành Công ty chú trọng với các thông tin về điều hành của Chính phủ đối với dịch bệnh Covid19 để có các quyết sách kịp thời nhằm tránh bị động trong công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện dịch bệnh vẫn có thể bùng phát.<br>-Kiến nghị Ban điều hành xem xét tính cần trọng trong việc thực hiện rút ngắn thời gian phân bổ chi phí Bảo dưỡng tổng thể lần 4. |   |

**Nhân xét:** Các thành viên của BKS đã thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### **Một số các kiến nghị của Ban kiểm soát**

- Trong năm 2021, mặc dù BSR có kết quả sản xuất kinh doanh rất tốt tuy nhiên đã có những thời điểm rất khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm do tác động của

dịch Covid19 vì vậy Ban điều hành Công ty cần chú trọng đến các thông tin về điều hành của Chính phủ đối với dịch bệnh Covid19 để có các quyết sách kịp thời nhằm tránh bị động trong công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện dịch bệnh vẫn có thể bùng phát.

– Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy đã bị chậm tiến độ một thời gian dài, việc đấu thầu EPC và công tác thu xếp vốn cho dự án gặp khó khăn sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả đầu tư của Dự án. Vì vậy, BSR cần xem xét đến việc tính toán lại hiệu quả dự án hoặc quy mô dự án trước khi có quyết định đầu tư.

– Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, Các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Công ty cần lưu ý tiến độ thực hiện quyết toán cổ phần hóa và báo cáo gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu) cũng như Ban chỉ đạo Cổ phần hóa cho phù hợp với quy định.

– Theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/01/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thoái vốn của BSR tại PMS, PVOS và PVBuilding và Nghị quyết số 2616/NQ-DKVN ngày 31/12/2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2016-2020. Vì vậy BSR cần tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn DKVN phê duyệt như trên và thường xuyên đánh giá tiến độ và công bố thông tin kịp thời, phù hợp theo qui định.

– Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để có các giải pháp tăng khả năng thanh khoản.

## **7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS**

Các thành viên BKS làm việc tại Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và thực hiện của các thành viên BKS trong năm 2021 như sau:

| STT      | Chức danh            | Kế hoạch    |                      | Thực hiện   |                      |
|----------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|
|          |                      | Số người BQ | Số tiền (đồng)       | Số người BQ | Số tiền (đồng)       |
| <b>I</b> | <b>Chuyên trách</b>  | <b>2,00</b> | <b>1.826.400.000</b> | <b>2,00</b> | <b>2.279.400.000</b> |
| 1        | Trưởng Ban kiểm soát | 1,00        | 988.200.000          | 1,0         | 1.233.100.000        |

|           |                               |             |                      |             |                      |
|-----------|-------------------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|
| 2         | Thành viên BKS                | 1,00        | 838.200.000          | 1,0         | 1.046.300.000        |
| <b>II</b> | <b>Không chuyên trách (*)</b> | <b>1,00</b> | <b>167.700.000</b>   | <b>1,0</b>  | <b>209.300.000</b>   |
| 1         | Thành viên BKS                | 1,00        | 167.700.000          | 1,0         | 209.300.000          |
|           | <b>Tổng cộng</b>              | <b>3,00</b> | <b>1.994.100.000</b> | <b>3,00</b> | <b>2.488.700.000</b> |

## **Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022**

Trong năm 2022 Ban kiểm soát sẽ hết nhiệm kỳ làm việc của mình. Trong khi chờ Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt Ban kiểm soát mới, Ban kiểm soát đương nhiệm xin tạm trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban kiểm soát mới có thể trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch hoạt động bổ sung nếu cần.

Dự kiến BKS sẽ tiếp tục tập trung giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Công ty cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan sao cho việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2022 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
  - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
  - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
  - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giảm giá thành sản phẩm (nếu có).
- Kiểm tra giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này
- Tiếp tục kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo các chỉ thị, nghị quyết được phê duyệt.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu, quản lý tài chính.
- Kiểm tra giám sát công tác triển khai nâng cấp và mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.



Số: 02 /BSR-BKS  
Về việc: Thẩm định BCTC năm 2021

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 SAU KIỂM TOÁN  
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN**

**A. Căn cứ/cơ sở pháp lý**

- Căn cứ: Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Căn cứ: Quy chế quản lý vốn của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành theo Quyết định số 5493/QĐ-DKVN ngày 16/07/2012 của Hội đồng thành viên Tập đoàn DKVN; Điều lệ, Quy chế tài chính Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

- Căn cứ: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của BSR đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán và phát hành ngày 11/3/2022.

- Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên các công ty BSR góp vốn;

**B. Nội dung thực hiện thẩm định BCTC**

- Rà soát việc trình bày các chỉ tiêu trên BCTC đảm bảo tuân thủ các quy định.  
- Đánh giá việc lựa chọn, áp dụng các chính sách kế toán, tính phù hợp, nhất quán trong việc áp dụng các chính sách và tính hợp lý của các ước tính của đơn vị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể BCTC.

- Xem xét, phân tích các số liệu, thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của đơn vị; Xem xét các ý kiến của Kiểm toán độc lập, đặc biệt các ý kiến nêu trong Thư quản lý, ý kiến ngoại trừ, nhấn mạnh, lưu ý... từ đó đưa ra các nhận xét/đánh giá/kiến nghị trên cơ sở nhận định của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động SXKD của đơn vị.

**C. Giới hạn phạm vi thực hiện:**

Do BSR là công ty có quy mô lớn, tài sản nhiều, thị trường kinh doanh rộng gồm cả trong và ngoài nước nên Ban kiểm soát với nhân sự 3 người đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở chọn mẫu trọng yếu, kết hợp với các chuyên đề kiểm tra theo kế hoạch năm và các trao đổi làm việc với đơn vị kiểm toán.

**D. Kết quả thực hiện:**

**I. Đối với BCTC Công ty mẹ:**

**1. Tình hình tài chính**

M.S.D.N.



Năm 2021 Nhà máy Lọc dầu Dung Quất hoạt động an toàn, ổn định với công suất trên 100% công suất thiết kế, sản lượng sản xuất 6.529 nghìn tấn, đạt 100,5% kế hoạch năm, sản lượng tiêu thụ đạt 6.424 nghìn tấn, đạt 98,9% kế hoạch. BSR đã hoàn thành tốt kết quả sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu tài chính như: doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách... đều vượt cao so với kế hoạch và so với cùng kỳ năm 2020 với các chỉ tiêu tài chính được trình bày trong bảng dưới:

| TÀI SẢN (tỷ đồng)                           |               |               |                            | NGUỒN VỐN (tỷ đồng)                           |                |               |                             |
|---|---------------|---------------|----------------------------|---|----------------|---------------|-----------------------------|
| Diễn giải                                   | Đầu kỳ        | Kỳ báo cáo    | So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%) | Diễn giải                                     | Đầu kỳ         | Kỳ báo cáo    | So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%) |
| <b>A. Tài sản NH</b>                        | <b>29,842</b> | <b>44,371</b> | <b>149%</b>                | <b>A. Nợ phải trả</b>                         | <b>23,471</b>  | <b>27,838</b> | <b>119%</b>                 |
| 1. Tiền và TĐ tiền                          | 12,767        | 16,314        | 128%                       | <i>1. Nợ ngắn hạn</i>                         | <i>19,201</i>  | <i>25,557</i> | <i>133%</i>                 |
| 2. Đầu tư TCNH                              | 902           | 4,102         | 455%                       | <i>1.1. Vay ngắn hạn</i>                      | <i>9,031</i>   | <i>8,765</i>  | <i>97%</i>                  |
| 3. Phải thu ngắn hạn                        | 7,772         | 13,581        | 175%                       | <i>1.2. Phải trả NH người bán và khác</i>     | <i>9,075</i>   | <i>14,943</i> | <i>165%</i>                 |
| 4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi         | -             | -             | -                          | <i>1.3. Thuế và các khoản PNNN</i>            | <i>947</i>     | <i>1,656</i>  | <i>175%</i>                 |
| 5. Hàng tồn kho                             | 8,381         | 10,344        | 123%                       | <i>1.4. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>         | <i>148</i>     | <i>193</i>    | <i>130%</i>                 |
| 6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (20)          | (17)          | 85%                        | <b>2. Nợ dài hạn</b>                          | <b>4,269</b>   | <b>2,281</b>  | <b>53%</b>                  |
| 7. TS NH khác                               | 41            | 46            | 112%                       | <i>2.1. Vay dài hạn</i>                       | <i>2,879</i>   | <i>943</i>    | <i>33%</i>                  |
| <b>B. Tài sản Dài hạn</b>                   | <b>24,667</b> | <b>21,105</b> | <b>86%</b>                 | <b>B. Vốn Chủ SH</b>                          | <b>31,039</b>  | <b>37,638</b> | <b>121%</b>                 |
| 1. Tài sản cố định                          | 21,003        | 18,849        | 90%                        | 1. Vốn góp của Chủ sở hữu                     | 31,005         | 31,005        | 100%                        |
| 2. Tài sản dở dang DH                       | 1,098         | 1,203         | 110%                       |   |                |               |                             |
| 3. Đầu tư tài chính DH                      | 156           | 156           | 100%                       | 2. Lợi nhuận chưa phân phối                   | 34             | 6,633         | 19509%                      |
| 4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn  | 207           | 207           | 100%                       | <i>2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>2,846</i>   | <i>34</i>     | <i>1.19%</i>                |
| 5. Phải thu dài hạn                         | 541           | 536           | 99%                        | <i>2.2. LNST chưa PP kỳ này</i>               | <i>(2,812)</i> | <i>6,600</i>  | <i>-</i>                    |
| 6. Tài sản dài hạn khác                     | 1,869         | 361           | 19%                        | <b>Tổng nguồn vốn</b>                         | <b>54,509</b>  | <b>65,476</b> | <b>120%</b>                 |
| <b>Tổng tài sản</b>                         | <b>54,509</b> | <b>65,476</b> | <b>120%</b>                |   |                |               |                             |



Tình hình bảo toàn và phát triển vốn của BSR trong năm 2021 được đảm bảo với hệ số bảo toàn vốn H (Vốn chủ sở hữu cuối kỳ / Vốn chủ sở hữu đầu kỳ) là 1,21. Hệ số này lớn hơn 1 do năm 2021 công ty lãi 6.677 tỷ đồng, làm tăng vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 là 37.638 tỷ đồng.

- Tỷ suất tự tài trợ (Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn) năm nay cao hơn năm trước (0,562>0,556). Điều này chứng tỏ Công ty tăng tính tự chủ về nguồn vốn, giảm sức ép của các khoản vay.
- Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả / Tổng tài sản) năm nay là 0,438; năm trước là 0,444 đồng nghĩa mức độ tự chủ tài chính tăng lên.
- Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả / Vốn CSH) năm nay là 0,74 thấp hơn so với năm trước (0,76) chứng tỏ Công ty giảm tỷ lệ huy động vốn bằng vay nợ so với năm trước.

**- Các chỉ số tài chính:**

| STT | Chỉ tiêu  | Tại kỳ báo cáo | Kỳ trước |
|-----|---|----------------|----------|
| 1   | Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)                    | 0.438          | 0.44     |
| 2   | Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)              | 0.74           | 0.76     |
| 3   | Khả năng thanh toán nhanh (lần)                     | 1.33           | 0.91     |
| 4   | Khả năng thanh toán hiện thời (lần)                 | 1.74           | 1.55     |
| 5   | Khả năng thanh toán tổng quát (lần)                 | 2.35           | 2.32     |
| 6   | ROE (%)   | 18.04%         | -9.05%   |
| 7   | ROA (%)   | 10.15%         | -5.16%   |
| 8   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%) | 6.71%          | -4.86%   |

Năm 2021 Công ty sản xuất kinh doanh có hiệu quả tốt, chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính đều vượt kế hoạch và tăng trưởng tốt hơn năm 2020, cụ thể như sau:

- Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản ROA = 10,15%; chỉ tiêu ROA thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả chỉ tiêu cho biết bình quân cứ 100 đồng tài sản được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 10,15 đồng lợi nhuận.

- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE = 18,04%; chỉ tiêu ROE cho biết số lợi nhuận được thu về cho các chủ sở hữu doanh nghiệp sau khi họ đầu tư một đồng vốn vào sản xuất kinh doanh. Kết quả chỉ tiêu cho biết bình quân cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu đầu tư được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh thì tạo ra được 18,04 đồng lợi nhuận.

- Doanh lợi tiêu thụ ROS (Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu, thu nhập) năm 2021 là 6,83% cho thấy năm nay trong 100 đồng doanh thu, thu nhập có 6,83 đồng lợi nhuận trước thuế.



- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) là 1,65; cao hơn so với năm 2020 là 1,06 cho thấy mỗi đồng tài sản năm nay tạo ra 1,65 đồng doanh thu trong khi năm 2020 thì mỗi đồng tài sản tạo ra 1,06 đồng doanh thu. Hay nói cách khác hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn năm ngoái.

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm là 0,67 cho thấy tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong tổng tài sản của Công ty (chiếm 67% tổng tài sản), cao hơn năm trước (chiếm 54% tổng tài sản).

- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ phải trả ngắn hạn năm nay là 1,33; cao hơn so với năm 2020 (0,91), cho thấy Công ty tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh tốt hơn so với năm ngoái.

#### ❖ **Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:**

##### **- Công tác quản lý vốn bằng tiền**

Tại BSR việc quản lý tiền mặt được thực hiện theo Quy chế huy động, quản lý và sử dụng vốn bằng được HĐQT công ty ban hành ngày 27/12/2018. Trong năm 2021, Tình hình thanh khoản của BSR được đảm bảo ở trạng thái tốt, việc quản lý huy động, gửi tiền và quản lý thu chi tuân thủ theo quy định.

Tổng tiền và tương đương tiền cuối năm 2021 là 16.314 tỷ đồng, tăng 3.547 tỷ đồng so với cuối năm 2020. Doanh thu tài chính đạt 997 tỷ tăng 330 tỷ so với năm 2020. Nguyên nhân do Công ty luôn cân đối nguồn tiền ở mức có lợi nhất; Tiền bán hàng thu được sẽ được cân đối với nhu cầu chi và lãi suất tiền gửi từng thời kỳ. Trong năm 2021 lãi suất vay ngắn hạn có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng dịch vụ UPAS LC (LC trả chậm) của ngân hàng, do đó, các khoản tương đương tiền năm nay cao hơn và hiệu quả hơn năm trước.

##### **- Quản lý công nợ phải thu:**

BSR thực hiện quản lý công nợ phải thu theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý nợ của công ty ban hành theo quyết định 1462/QĐ-BSR ngày 7/5/2019.

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản phải thu khách hàng của Công ty là 13.285 tỷ đồng, cao hơn so với thời điểm 31/12/2020 5.638 tỷ đồng và chiếm 20,2% Tổng tài sản cuối năm 2021.

Nguyên nhân khoản Phải thu khách hàng cao so với thời điểm 31/12/2020 là do giá bán bình quân tháng 12/2021 cao hơn so với tháng 12/2020 là 6,6 triệu đồng/tấn sản phẩm, mặc dù tháng 12/2021 có khối lượng tiêu thụ thấp hơn so với tháng 12/2020 hơn 104 nghìn tấn. Bên cạnh đó, Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, không có nợ phải thu quá hạn.

Chất lượng các khoản phải thu: Trong năm 2021, BSR triển khai áp dụng thanh toán theo hình thức LC đối với hầu hết khách hàng nên công tác thu hồi nợ đúng hạn.

##### **- Quản lý Hàng hóa:**

Trên cơ sở các quy định của nhà nước, BSR đã ban hành nhiều quy chế, quy trình nội bộ về quản lý hàng hóa như: Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ; Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh dầu thô; Quy chế kinh doanh sản phẩm...

Tại 31/12/2021, Hàng tồn kho của công ty mẹ BSR bao gồm:

|                                 | Số cuối kỳ        | Số đầu kỳ         |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| - Hàng mua đang đi trên đường   | 1.549.796.695.537 | 3.182.161.766.448 |
| - Nguyên liệu, vật liệu tồn kho | 3.764.335.759.915 | 2.060.490.326.909 |
| - Công cụ, dụng cụ trong kho    | 1.610.057.571.314 | 1.602.126.701.654 |
| - Chi phí SXKD dở dang          | 783.637.301.956   | 926.031.961.338   |
| - Thành phẩm tồn kho            | 2.636.648.104.983 | 637.887.278.712   |

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2021 là 10.344 tỷ đồng cao hơn so với thời điểm 31/12/2020 là 1.930 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do sự tăng giá của giá dầu. Trong năm, Công ty đã trích lập 1,1 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 4,8 tỷ đồng.

**- Quản lý hao hụt hàng hóa xăng dầu:**

Việc quản lý hao hụt xăng dầu hiện tại đang được BSR quản lý dựa theo Quy chế Quản lý hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật được ban hành ngày 26/8/2019. Trong năm 2021, số liệu về tỷ lệ hao hụt xăng dầu của BSR nằm trong quy định của công ty.

**- Công tác xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:**

Công tác kiểm kê được BSR thực hiện hàng năm theo đúng quy định về kế toán. Theo báo cáo kiểm kê được thực hiện tại 31/12/2021 các tài sản thực tế và tài sản theo dõi trên sổ sách là phù hợp.

**- Quản lý tài sản cố định:**

BSR đang xử dụng phương pháp trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ trích khấu hao theo quy định.

Tại 31/12/2021 giá trị tài sản cố định của BSR là 18.849 tỷ đồng, giảm 2.155 tỷ so với đầu kỳ (giảm 10%) do công ty thực hiện khấu hao tài sản trong năm tài chính. Tài sản cố định của công ty hiện đang sử dụng tốt, chủ yếu là giá trị của Nhà máy lọc dầu được khấu hao với thời gian 20 năm.

Trong năm 2021, BSR đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí Bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) từ 36 tháng xuống 15 tháng. Điều này làm cho chi phí phân bổ vào việc xác định kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch tăng 913 tỷ- tức lợi nhuận BSR có thể tăng thêm 913 tỷ nếu không có sự thay đổi này.

**- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

BSR thực hiện quản lý chi phí xây dựng dở dang theo quy định của luật đầu tư và theo quy chế Quản lý đầu tư của công ty được ban hành ngày 29/1/2021.



Tại 31/12/2021, BSR có chi phí đầu tư XDCB dở dang là 1.203 tỷ tăng 9,33% so với năm trước, tập trung chủ yếu ở dự án nâng cấp mở rộng nhà máy (1.105 tỷ) và triển khai hệ thống ERP giai đoạn 1 (67,6 tỷ).

**- Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:**

Hiện BSR có đầu tư góp vốn vào 04 công ty trong đó: 02 công ty con là CTCP Nhiên liệu Sinh học dầu khí Miền Trung (BSR-BF) và CTCP Nhà và thương mại Dầu khí (PV Building); 02 công ty liên kết là CTCP Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) và Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu Dầu khí.

Công ty CP Nhiên liệu sinh học dầu khí miền Trung (BSR-BF) hiện đang rất khó khăn, thua lỗ, lỗ lũy kế kéo dài dẫn đến thâm hụt vốn. Lỗ năm 2021 trước kiểm toán là 99,1 tỷ đồng.

Công ty CP Thương mại và Quản lý nhà: Trong năm 2021 nhà máy bao bì hoạt động ổn định, góp phần đưa Công ty hoạt động có lợi nhuận. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác cũng đang thu được lợi ích dù lợi nhuận chưa cao. Lợi nhuận trước kiểm toán năm 2021 là 15,91 tỷ đồng.

Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu Dầu khí VN đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, nên kết quả kinh doanh lỗ.

Công ty CP Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí có lợi nhuận nhưng không cao do năng lực chưa đủ cạnh tranh với các đơn vị trong và ngoài nước vốn đang tiến hành các dịch vụ từ trước đến nay của NMLD.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/1/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu  | Giá trị góp vốn | % nắm giữ | Dự phòng đã trích | Cổ tức trả Cty Mẹ tr/kỳ | LNST năm 2021 |
|---|-----------------|-----------|-------------------|-------------------------|---------------|
| <b>I. Công ty con</b>                           | 351,66          |           |                   |                         |               |
| CTCP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung     | 205,77          | 61%       | 205,77            | 0                       | -99,11        |
| CTCP Nhà và thương mại Dầu khí                  | 145,89          | 97%       | 0                 | 0                       | 15,91         |
| <b>II. Công ty liên kết</b>                     | 11,24           |           |                   |                         |               |
| CTCP Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí   | 7,00            | 10%       | 0                 | 0                       | 3,53          |
| Công ty TNHH Kho Ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam | 4,24            | 10%       | 1,26              | 0                       | 0             |
| <b>TỔNG</b>                                     | <b>362,9</b>    |           | <b>207,04</b>     | <b>0</b>                | <b>-79,67</b> |

**- Quản lý công nợ phải trả:**



BSR đã ban hành Quy chế quản lý nợ ngày 7/5/2019 để thực hiện việc quản lý nợ, công nợ phải thu, công nợ phải trả...

Tại 31/12/2021 tình hình số dư nợ phải trả của BSR như sau:

- Vay ngắn hạn: tại thời điểm 31/12/2021, vay và nợ ngắn hạn của BSR là 9.829 tỷ đồng, giảm so với năm 2020 (giảm 140 tỷ đồng). Khoản vay dài hạn đến hạn trả là 2.951 tỷ đồng.
- Vay dài hạn: là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam để đầu tư nhà máy lọc dầu Dung Quất
- Các khoản vay bằng ngoại tệ cuối kỳ sẽ đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Vietcombank Hội sở Chính. Năm 2021, tỷ giá VND/USD giảm dẫn đến lãi chênh lệch tỷ giá trong đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến khoản vay trong năm 2021 là 60,5 tỷ đồng, năm 2020 lãi 29,8 tỷ đồng.
- Các khoản vay ngân hàng (gồm vay ngắn hạn và vay dài hạn) tại thời điểm cuối năm 2021 giảm 23% so với cuối năm 2020, tương đương giảm 2.313 tỷ đồng; cụ thể: vay ngắn hạn giảm 233 tỷ đồng còn vay dài hạn giảm 2.079 tỷ đồng.
- Phải trả người bán: 9.456 tỷ đồng; chủ yếu là công nợ liên quan đến dầu thô, chi phí vận chuyển dầu thô, xúc tác hóa phẩm, ... tăng 2.445 tỷ đồng so với cuối năm 2020 do giá dầu tăng.
- Phải trả khác: 5.336 tỷ đồng tăng so với cuối năm 2020 là 3.431 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do tăng khoản Phải trả Ngân hàng Đầu tư và phát triển Quảng Ngãi khoản LC trả chậm 3.349 tỷ đồng
- Phải trả người lao động: 110 tỷ đồng.

**- Quản lý các khoản bảo lãnh, ủy thác:**

Hiện nay, BSR còn khoản vay ưu đãi bằng ngoại tệ tại ngân hàng VDB, việc thanh toán gốc và lãi được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

**- Trích lập dự phòng:**

BSR thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 8/8/2019.

Số dư trích lập dự phòng của BSR tại 31/12/2021 gồm: 16,7 tỷ dự phòng giảm giá hàng tồn kho – giảm 3,6 tỷ so với đầu kỳ do số hoàn nhập trong kỳ lớn hơn số trích bổ sung trong kỳ; 207 tỷ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn – không thay đổi so với đầu kỳ, do trong kỳ công ty không trích lập và hoàn nhập dự phòng.

**- Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:**

Năm 2021, BSR thực hiện việc hạch toán và thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước đầu đủ, cụ thể:

- Tổng số thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm 2021 là 11.367 tỷ đồng, đạt 148% so với kế hoạch và đạt 182% so với năm 2020, tăng 5.126 tỷ so với năm

trước. Nguyên nhân chính làm số phải nộp ngân sách nhà nước năm 2021 tăng so với năm 2020 chủ yếu do giá dầu năm 2021 cao hơn 2020 (Giá dầu thô bình quân năm 2021 là 70,73 USD/thùng, giá dầu thô bình quân năm 2020 là 41,67 USD/thùng). Cụ thể VAT tăng 2.446 tỷ, thuế tiêu thụ đặc biệt tăng 2.359 tỷ.

- Số đã nộp Ngân sách nhà nước năm 2021 là 10.657 tỷ đồng, còn 1.654 tỷ đồng phải nộp vào ngân sách nhà nước. Trong đó, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế nộp thay nhà thầu Công ty đã nộp vào tháng 01/2022.

**- Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:**

Quỹ Khen thưởng phúc lợi: Trong năm Công ty có tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2021 là 193,5 tỷ đồng.

Quỹ Phát triển khoa học công nghệ: trong năm đã sử dụng 49,4 tỷ đồng và không trích thêm. Số dư lũy kế đến 31/12/2021 là 1.338,5 tỷ đồng.

**- Các chỉ tiêu khác:**

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu là Chi phí trả trước ngắn hạn (45 tỷ đồng). Chi phí trả trước ngắn hạn của Công ty chủ yếu là Bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm con người;

Tài sản dài hạn khác chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn (bảo hiểm nhân thọ) 168 tỷ đồng, chi phí hóa chất phân xưởng CCR 114 tỷ đồng.

**2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:**

Năm 2021, Kết quả kinh doanh của BSR thuận lợi, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch và tăng trưởng mạnh so với năm 2020. Kết quả kinh doanh được thể hiện trong bảng dưới đây:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| Diễn giải                       | Kỳ báo cáo   | Cùng kỳ năm trước | So sánh tăng/giảm |           |
|---------------------------------|--------------|-------------------|-------------------|-----------|
|                                 |              |                   | Giá trị           | Tỷ lệ (%) |
| 1. Doanh thu thuần bán hàng     | 101,072      | 57,895            | 43,177            | 175%      |
| 2. Giá vốn hàng bán             | 93,287       | 60,064            | 33,223            | 155%      |
| <b>3. Lãi gộp</b>               | <b>7,750</b> | <b>(2,168)</b>    | 9,918             | -         |
| 4. Doanh thu tài chính          | 998          | 668               | 330               | 149%      |
| 5. Chi phí tài chính            | 565          | 520               | 45                | 109%      |
| <i>Trong đó chi phí lãi vay</i> | 353          | 273               | 80                | 129%      |
| 6. Chi phí bán hàng             | 776          | 548               | 228               | 142%      |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 408          | 267               | 141               | 153%      |
| 8. Thu nhập khác                | 34           | 24                | 10                | 142%      |
| 9. Chi phí khác                 | 1            | 1                 | -                 | 100%      |

|  |              |                |              |          |
|--|--------------|----------------|--------------|----------|
| <b>10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>     | <b>7,032</b> | <b>(2,812)</b> | <b>9,844</b> | <b>-</b> |
| 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 300          | -              | 300          | -        |
| 12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại                  | (45)         | -              | (45)         | -        |
| <b>13. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>               | <b>6,777</b> | <b>(2,812)</b> | <b>9,589</b> | <b>-</b> |

- Về Doanh thu: So với năm 2020 tổng doanh thu thuần công ty mẹ trong năm 2021 tăng 43.177 tỷ, tương đương tăng 75%. Nguyên nhân là do năm 2021 giá dầu thô tăng so với năm 2020 (giá dầu thô trung bình năm 2020 là 41,67 USD/thùng trong khi giá dầu thô trung bình năm 2021 là 70,73 USD/thùng), dẫn tới giá sản phẩm tăng làm doanh thu tăng theo tương ứng. Ngoài ra sản lượng tiêu thụ năm 2021 cũng tăng so với năm 2020.

- Về chi phí: chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí tài chính trong năm 2021 đều tăng so với cùng kỳ. Trong các tháng 8 và 9 năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 4, khối lượng sản phẩm tiêu thụ giảm mạnh nên BSR phải chịu thêm các chi phí phòng chống Covid-19, chi phí tàu dầu thô chờ dỡ hàng, chi phí gửi kho sản phẩm.... Tuy nhiên, chi phí phát sinh trong năm (không bao gồm chi phí dầu thô, chi phí nhân công, phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể và chi phí bán hàng) không vượt kế hoạch.

So với năm 2020 tổng chi phí tăng 54,7% - tương ứng với mức tăng khoảng 33.644 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do giá dầu thô tăng so với năm trước, và sản lượng sản xuất tăng so với năm trước, khoảng hơn 598 nghìn tấn sản phẩm.

Công tác hạch toán doanh thu của Công ty tuân theo chuẩn mực kế toán hiện hành, theo đó toàn bộ doanh thu được ghi nhận đều là những khoản chắc chắn phát sinh.

## II. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của BSR được thực hiện trên cơ sở hợp nhất một số các chỉ tiêu tài chính của CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (công ty mẹ) và 02 công ty con gồm: CTCP Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) và CTCP Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF). Trong đó, quy mô vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận, chi phí và các chỉ số tài chính của công ty mẹ chiếm tỷ trọng lớn trong báo cáo hợp nhất, cụ thể: vốn chủ sở hữu CTM/HN là 37.638/37.563 tỷ - tương đương 100,2%; tổng tài sản CTM/HN là 65.476/66.796 tỷ - tương đương hơn 98%; doanh thu CTM/HN là 101.072/101.114 tỷ - tương đương 99,9%; lợi nhuận sau thuế CMT/HN là 6.777/6.684 tỷ - tương đương 101%... Vì vậy, các chỉ số tài chính trong BCTC hợp nhất được thể hiện gần như giống với BCTC công ty mẹ.

Trong năm 2021, do tình hình kinh doanh của Công ty mẹ thuận lợi nên kết quả kinh doanh và các chỉ số tài chính hợp nhất của BSR đều tốt, cụ thể được thể hiện trong các bảng dưới:

## Kết quả kinh doanh Hợp nhất

1. Đơn vị tính: Tỷ đồng

| Diễn giải                                    | Kỳ báo cáo   | Cùng kỳ năm trước | So sánh tăng/giảm |             |
|--|--------------|-------------------|-------------------|-------------|
|  |              |                   | Giá trị (tỷ đồng) | Tỷ lệ (%)   |
| 1. Doanh thu thuần bán hàng                  | 101,114      | 57,959            | 43,155            | 174%        |
| 2. Giá vốn hàng bán                          | 93,381       | 60,184            | 33,197            | 155%        |
| <b>3. Lãi gộp</b>                            | <b>7,699</b> | <b>(2,225)</b>    | 9,924             | -           |
| 4. Doanh thu tài chính                       | 1,015        | 666               | 349               | 152%        |
| 5. Chi phí tài chính                         | 619          | 498               | 121               | 124%        |
| <i>Trong đó chi phí lãi vay</i>              | <i>407</i>   | <i>325</i>        | <i>82</i>         | <i>125%</i> |
| 6. Chi phí bán hàng                          | 781          | 552               | 229               | 141%        |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp              | 407          | 269               | 138               | 151%        |
| 8. Thu nhập khác                             | 35           | 26                | 9                 | 135%        |
| 9. Chi phí khác                              | 1            | 1                 | -                 | 100%        |
| <b>10. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> | <b>6,941</b> | <b>(2,852)</b>    | 9,793             | -           |
| 11. Chi phí thuế TNDN hiện hành              | 303          | 2                 | 301               | 15150%      |
| 12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại              | (46)         | 4                 | (50)              | -           |
| <b>13. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>           | <b>6,684</b> | <b>(2,858)</b>    | 9,542             | -           |

So với năm 2020 mức độ tăng trưởng doanh thu, chi phí, và lợi nhuận hợp nhất đều tăng trưởng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do giá dầu thô tăng so với năm trước, và sản lượng sản xuất tăng so với năm trước, khoảng hơn 598 nghìn tấn sản phẩm.

### Tình hình tài chính Hợp nhất

| TÀI SẢN (tỷ đồng)                   |               |               |                            | NGUỒN VỐN (tỷ đồng)                       |               |               |                             |
|-------------------------------------|---------------|---------------|----------------------------|---|---------------|---------------|-----------------------------|
| Diễn giải                           | Đầu kỳ        | Kỳ báo cáo    | So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ)(%) | Diễn giải                                 | Đầu kỳ        | Kỳ báo cáo    | So sánh (=Kỳ BC/Đầu kỳ) (%) |
| <b>A. Tài sản NH</b>                | <b>29,997</b> | <b>44,544</b> | <b>148%</b>                | <b>A. Nợ phải trả</b>                     | <b>24,830</b> | <b>29,232</b> | <b>118%</b>                 |
| 1. Tiền và TĐ tiền                  | 12,792        | 16,346        | 128%                       | <b>1. Nợ ngắn hạn</b>                     | <b>20,407</b> | <b>26,940</b> | <b>132%</b>                 |
| 2. Đầu tư TCNH                      | 958           | 4,190         | 437%                       | <i>1.1. Vay ngắn hạn</i>                  | <i>9,969</i>  | <i>9,829</i>  | <i>99%</i>                  |
| 3. Phải thu ngắn hạn                | 7,814         | 13,601        | 174%                       | <i>1.2. Phải trả NH người bán và khác</i> | <i>8,628</i>  | <i>15,963</i> | <i>185%</i>                 |
| 4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi | 1             | -             | -                          | <i>1.3. Thuế và các khoản PNNN</i>        | <i>1,659</i>  | <i>951</i>    | <i>57%</i>                  |
| 5. Hàng tồn kho                     | 8,409         | 10,377        | 123%                       | <i>1.4. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>     | <i>151</i>    | <i>197</i>    | <i>130%</i>                 |



|   |               |               |             |  |               |               |             |
|---|---------------|---------------|-------------|--|---------------|---------------|-------------|
| 6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (22)          | (18)          | 82%         | 2. Nợ dài hạn                          | 4,423         | 2,291         | 52%         |
| 7. TS NH khác                               | 46            | 50            | 109%        | 2.1. Vay dài hạn                       | 3,022         | 943           | 31%         |
| <b>B. Tài sản Dài hạn</b>                   | <b>25,898</b> | <b>22,251</b> | <b>86%</b>  | <b>B. Vốn Chủ SH</b>                   | <b>31,065</b> | <b>37,564</b> | <b>121%</b> |
| 1. Tài sản cố định                          | 22,376        | 20,136        | 90%         | 1. Vốn góp của Chủ sở hữu              | 31,005        | 31,005        | 100%        |
| 2. Tài sản dở dang DH                       | 1,102         | 1,206         | 109%        |  |               |               |             |
| 3. Đầu tư tài chính DH                      | 10            | 10            | 100%        |  |               |               |             |
| 4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn  | 1             | 1             | 100%        | 2. Lợi nhuận chưa phân phối            | 28            | 6,562         | 23436%      |
| 5. Phải thu dài hạn                         | 534           | 534           | 100%        | 2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước | 2,848         | 25            | 0.88%       |
| 6. Tài sản dài hạn khác                     | 1,877         | 366           | 19%         | 2.2. LNST chưa PP kỳ này               | (2,820)       | 6,537         | -           |
| <b>Tổng tài sản</b>                         | <b>55,895</b> | <b>66,796</b> | <b>120%</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b>                  | <b>55,895</b> | <b>66,796</b> | <b>120%</b> |

### Các chỉ số tài chính Hợp nhất cơ bản

| STT | Chỉ tiêu  | Tại kỳ báo cáo | Kỳ trước |
|-----|---|----------------|----------|
| 1   | Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)                    | 0.44           | 0.44     |
| 2   | Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)              | 0.78           | 0.80     |
| 3   | Khả năng thanh toán nhanh (lần)                     | 1.27           | 1.06     |
| 4   | Khả năng thanh toán hiện thời (lần)                 | 1.65           | 1.47     |
| 5   | Khả năng thanh toán tổng quát (lần)                 | 2.29           | 2.25     |
| 6   | ROE (%)   | 17.79%         | -9.20%   |
| 7   | ROA (%)   | 10.01%         | -5.11%   |
| 8   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%) | 6.61%          | -4.93%   |

### III. Các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản trị, hạn chế rủi ro

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc BSR rất chú trọng tới công tác quản trị và kiểm soát rủi ro trong điều hành. Hiện nay, công tác quản trị, hạn chế rủi ro của công ty đã được cụ thể bằng quy chế, quy định, quy trình... Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh của BSR bị phụ thuộc nhiều vào biến động giá dầu đầu vào và giá sản

phẩm trên thế giới. Vì vậy, BSR cần nâng cao hơn nữa về năng lực dự báo diễn biến giá dầu, giá sản phẩm để kiểm soát rủi ro tốt hơn.

#### **IV. Nhận xét/đánh giá chung:**

Ban Kiểm soát BSR cho rằng BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2021 của BSR đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong BCTC riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

##### *Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

##### *Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số ngân hàng đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện này.

##### *Ý kiến của Ban Kiểm soát*



- Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte phù hợp, mang tính khách quan. Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và có nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện tại BSR BF có thể phát sinh điều chỉnh kết quả xuất kinh doanh năm 2021 khi cơ quan có thẩm quyền có các quyết định cuối cùng.
- Trong năm 2021, BSR đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí Bảo dưỡng tổng thể lần 4 (TA4) từ 36 tháng xuống 15 tháng. Điều này làm cho chi phí phân bổ vào việc xác định kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch tăng 913 tỷ- tức lợi nhuận BSR có thể tăng thêm 913 tỷ nếu không có sự thay đổi này.

## V. Kiến nghị:

### 1. Kiến nghị đối với Ban điều hành BSR

Trong năm 2021, Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đạt được là rất tốt tuy nhiên đã có những thời điểm công ty gặp khó khăn trong công tác tiêu thụ sản phẩm do tác động của dịch Covid19 vì vậy Ban điều hành Công ty cần chú trọng đến các thông tin về điều hành của Chính phủ đối với dịch bệnh Covid19 để có các quyết sách kịp thời nhằm tránh bị động trong công tác sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong điều kiện dịch bệnh vẫn có thể bùng phát.

Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy: kết quả mở thầu EPC vừa qua đã không chọn được nhà thầu EPC phù hợp, dự án đầu tư theo phân tích không đạt hiệu quả như ban đầu nếu không có cơ chế ưu đãi của Nhà nước. Vì vậy, BSR cần sớm làm việc với các cấp có thẩm quyền để đưa ra phương án xử lý đối với sầm Dự án.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa và quyết định công bố giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Vì vậy, Các khoản mục trên báo cáo tài chính và các thuyết minh tương ứng có thể thay đổi tùy thuộc vào sự phê duyệt cuối cùng của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Công ty cần lưu ý tiến độ thực hiện quyết toán cổ phần hóa và báo cáo gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chủ sở hữu) cũng như Ban chỉ đạo Cổ phần hóa cho phù hợp với quy định.

Theo Nghị quyết số 240/NQ-DKVN ngày 09/01/2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thoái vốn của BSR tại PMS, PVOS và PVBuilding và Nghị quyết số 2616/NQ-DKVN ngày 31/12/2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc tạm phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2016-2020. Vì vậy BSR cần tiếp tục thúc đẩy việc thực hiện phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn DKVN phê duyệt như trên và thường xuyên đánh giá tiến độ và công bố thông tin kịp thời, phù hợp theo qui định.

Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ VND là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh

Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để có các giải pháp tăng khả năng thanh khoản.

Theo Thông báo số 3129/TB-TTCT ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ đã kết luận về một số khuyết điểm, vi phạm trong quá trình đầu tư Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (dự án do Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - Công ty con của Công ty) đầu tư, quản lý và vận hành). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc BSR-BF đang làm việc với các bên có liên quan để giải quyết các kiến nghị này. Ngoài ra, BSR-BF đã tạm tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án trên với số tiền khoảng 1.790 tỷ VND và đang làm các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Vì vậy, BSR cần sớm làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ và quyết toán nhà máy. Tiếp tục chỉ đạo BSR-BF xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại và thực hiện nghiêm túc công tác tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ, Ban chỉ đạo các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả ngành công thương.

## 2. Kiến nghị đối với cổ đông lớn PVN:

- Kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt nam hỗ trợ BSR làm việc với cơ quan có thẩm quyền để việc quyết toán cổ phần hóa sớm được phê duyệt.
- Kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt nam hỗ trợ BSR trong việc giải tỏa số tiền 2.735 đang bị hạn chế giao dịch tại ngân hàng Đại Dương.

Trân trọng,

### Nơi nhận:

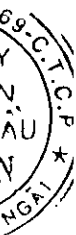
- PVN (để b/c);
- HĐQT, TGD BSR;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Phạm Ngọc Quý



**Phụ lục 05 - Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn,

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện tiền lương, thù lao năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn như sau:

**I. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 của HĐQT, BKS**

Căn cứ kế hoạch tiền lương, thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

| STT       | Chức danh                          | Kế hoạch    |                      | Thực hiện   |                       |
|-----------|------------------------------------|-------------|----------------------|-------------|-----------------------|
|           |                                    | Số người BQ | Số tiền (đồng)       | Số người BQ | Số tiền (đồng)        |
| <b>I</b>  | <b>Chuyên trách</b>                | <b>8,00</b> | <b>8.154.200.000</b> | <b>8,0</b>  | <b>10.175.100.000</b> |
| 1         | Chủ tịch Hội đồng quản trị         | 1,00        | 1.152.900.000        | 1,0         | 1.438.600.000         |
| 2         | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 1,00        | 1.138.100.000        | 1,0         | 1.419.900.000         |
| 3         | Thành viên Hội đồng quản trị       | 4,00        | 4.036.800.000        | 4,0         | 5.037.200.000         |
| 4         | Trưởng Ban kiểm soát               | 1,00        | 988.200.000          | 1,0         | 1.233.100.000         |
| 5         | Thành viên Ban Kiểm soát           | 1,00        | 838.200.000          | 1,0         | 1.046.300.000         |
| <b>II</b> | <b>Không chuyên trách (*)</b>      | <b>1,00</b> | <b>167.700.000</b>   | <b>1,0</b>  | <b>209.300.000</b>    |
| 1         | Thành viên Ban Kiểm soát           | 1,00        | 167.700.000          | 1,0         | 209.300.000           |
|           | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>9,00</b> | <b>8.321.900.000</b> | <b>9,0</b>  | <b>10.384.400.000</b> |

(\*) Ghi chú: Thực tế trong năm 2021, BSR có 01 Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (12 tháng).

## II. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của HĐQT, BKS

### 1. Số lượng Thành viên HĐQT, BKS: 09 người.

+ Hội đồng quản trị gồm 06 người: 01 Chủ tịch HĐQT, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc và 04 thành viên HĐQT.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 người: 01 Trưởng ban, 01 Thành viên BKS chuyên trách và 01 Thành viên BKS không chuyên trách.

### 2. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của HĐQT, BKS:

| STT       | Chức danh                          | Số người BQ | Số tiền (đồng)       | Ghi chú   |
|-----------|------------------------------------|-------------|----------------------|---|
| <b>I</b>  | <b>Chuyên trách</b>                | <b>8,00</b> | <b>9.686.800.000</b> |   |
| 1         | Chủ tịch Hội đồng quản trị         | 1,00        | 1.374.200.000        |   |
| 2         | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 1,00        | 1.356.800.000        |   |
| 3         | Thành viên Hội đồng quản trị       | 4,00        | 4.810.400.000        |   |
| 4         | Trưởng Ban kiểm soát               | 1,00        | 1.171.200.000        |   |
| 5         | Thành viên Ban Kiểm soát           | 1,00        | 974.200.000          |   |
| <b>II</b> | <b>Không chuyên trách (**)</b>     | <b>1,00</b> | <b>194.800.000</b>   | Hưởng bằng 20% mức tiền lương của Thành viên chuyên trách |
| 1         | Thành viên Ban Kiểm soát           | 1,00        | 194.800.000          |   |
|           | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>9,00</b> | <b>9.881.600.000</b> |   |

(\*\*) Ghi chú: Trong năm 2022, dự kiến BSR có 01 Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách (12 tháng).

Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS sẽ được thực hiện và điều chỉnh tùy thuộc vào số lượng thành viên chuyên trách, không chuyên trách và kết quả hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



**Phụ lục số 06 – Tờ trình về việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị  
và Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BSR ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành tại Quyết định số 1357/QĐ-BSR ngày 26/04/2021 của Ban kiểm soát Công ty;

Trên cơ sở tổng hợp kết quả giới thiệu/đề nghị nhân sự của các Cổ đông (BSR nhận được 01 văn bản giới thiệu của Cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 2038/DKVN-HĐTV), Hội đồng quản trị xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, thông qua các nội dung sau:

- Tiếp tục giữ nguyên nhân sự Hội đồng quản trị; cơ cấu Ban kiểm soát BSR như hiện tại đến khi kết thúc nhiệm kỳ theo quy định tại Điều 28, Điều 43 Điều lệ Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông BSR.
- Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát đối với ông Phạm Ngọc Quý.
- Bầu ông Hoàng Đình Nhật – Trưởng ban KSNB BSR giữ chức Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.
- Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Vũ Lê Huy.
- Bầu bà Vũ Lan Phương, cán bộ Ban Tổ chức và Quản trị nguồn nhân lực PVN giữ chức Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm) nhiệm kỳ 2022-2027.

Hội đồng quản trị xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua và tiến hành bầu cử theo quy định.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, VPHĐQT, QTNL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hội**

## Phụ lục số 07 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BSR ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

### 1. Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

| Chỉ tiêu                                   | Ngày 31/12/2021<br>Công ty mẹ | Ngày 31/12/2021<br>Hợp nhất |
|--|-------------------------------|-----------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                | <b>44.370.815.348.548</b>     | <b>44.544.299.212.274</b>   |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền      | 16.314.076.389.628            | 16.345.674.140.133          |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn              | 4.102.000.000.000             | 4.189.568.840.000           |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn           | 13.581.458.012.553            | 13.600.571.686.422          |
| Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 13.285.556.257.331            | 13.251.103.741.666          |
| IV. Hàng tồn kho                           | 10.327.761.081.569            | 10.358.095.365.157          |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                   | 45.519.864.798                | 50.389.180.562              |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                 | <b>21.105.329.415.689</b>     | <b>22.251.363.516.375</b>   |
| I. Các khoản phải thu dài hạn              | 535.894.758.986               | 533.509.547.749             |
| II. Tài sản cố định                        | 18.848.617.692.710            | 20.136.092.225.647          |
| III. Tài sản dở dang dài hạn               | 1.203.497.621.287             | 1.205.504.779.827           |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn               | 155.872.452.929               | 9.979.607.564               |
| V. Tài sản dài hạn khác                    | 361.446.889.777               | 366.277.355.588             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                   | <b>65.476.144.764.237</b>     | <b>66.795.662.728.649</b>   |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                     | <b>27.837.837.314.332</b>     | <b>29.231.857.736.538</b>   |
| I. Nợ ngắn hạn                             | 25.556.712.950.899            | 26.940.444.771.659          |
| Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn      | 9.456.175.076.829             | 9.449.887.796.720           |
| II. Nợ dài hạn                             | 2.281.124.363.433             | 2.291.412.964.879           |
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  | <b>37.638.307.449.905</b>     | <b>37.563.804.992.111</b>   |
| I. Vốn chủ sở hữu                          | 37.638.307.449.905            | 37.563.804.992.111          |
| Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu           | 31.004.996.160.000            | 31.004.996.160.000          |



| Chỉ tiêu                          | Ngày 31/12/2021<br>Công ty mẹ | Ngày 31/12/2021<br>Hợp nhất |
|-----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 6.633.311.289.905             | 6.562.173.821.168           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>        | <b>65.476.144.764.237</b>     | <b>66.795.662.728.649</b>   |

## 2. Kết quả kinh doanh:

ĐVT: Đồng

| Chỉ tiêu   | Năm 2021<br>Công ty mẹ | Năm 2021<br>Hợp nhất |
|--|------------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 101.037.235.267.376    | 101.080.035.258.130  |
| 2. Giá vốn hàng bán                                | 93.286.838.332.997     | 93.381.313.715.080   |
| 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 7.750.396.934.379      | 7.698.721.543.050    |
| 4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 6.998.702.225.478      | 6.906.639.723.627    |
| 5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 7.031.502.339.146      | 6.940.676.635.210    |
| 6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 6.776.650.740.974      | 6.683.539.852.376    |
| 7. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ               |                        | 6.715.504.313.658    |
| 8. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát  |                        | (31.964.461.282)     |

**Ngoài ra, trên BCTC riêng và hợp nhất, Kiểm toán nêu ý kiến nhấn mạnh như sau:**

*Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

*Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2021, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4 và trình bày ảnh hưởng của việc thay đổi tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số ngân hàng đã khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (công ty con của Công ty) lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện này.

*Giải trình của Công ty về ý kiến nhấn mạnh:*

- Về quyết toán cổ phần hóa: BSR đã hoàn thành công tác xử lý tài chính và quyết toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan thuế. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Về thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4: Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và nhằm đáp ứng nhu cầu về đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm cũng như phục vụ tốt nhất công tác bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên trong thời gian tiếp theo, BSR đã quyết định thay đổi thời gian phân bổ chi phí bảo dưỡng tổng thể lần 4.
- Về Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung: Trong năm, các ngân hàng cấp tín dụng cho BSR-BF bao gồm Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã khởi kiện Công ty CP Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung lên Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Dung Quất. Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuẩn bị xét xử vụ kiện trên. Trong thời gian vụ kiện chưa xử lý xong, Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung vẫn hoạt động bình thường.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban TCKT, KSNB;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

## Phụ lục số 08 - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BSR ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

| Stt        | Khoản mục   | Giá trị (đồng)           |
|------------|---|--------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>                    | <b>6.810.200.189.905</b> |
|            | Trong đó:   |                          |
|            | - LNST chưa phân phối năm 2020 chuyển sang 2021             | <b>33.549.448.931</b>    |
|            | - LNST năm 2021   | <b>6.776.650.740.974</b> |
| <b>II</b>  | <b>Phân phối lợi nhuận</b>                                  | <b>6.810.200.189.905</b> |
| 1          | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi                                   | 283.730.000.000          |
|            | <i>Trong đó: - Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi người lao động</i> | <i>281.561.000.000</i>   |
|            | <i>- Quỹ Thưởng người quản lý</i>                           | <i>2.169.000.000</i>     |
| 2          | Chia cổ tức (3% VDL tương đương 300 đồng/cổ phiếu) (*)      | 930.149.884.800          |
| 3          | Quỹ Đầu tư phát triển                                       | 5.596.320.305.105        |
| <b>III</b> | <b>LNST chưa phân phối năm 2021 chuyển sang năm 2022</b>    | <b>-</b>                 |

(\*) Vốn điều lệ: 31.004.996.160.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHCĐ Công ty xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGĐ;
- Ban TCKT, QTNL, KTKH;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



## **Phụ lục 09 - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 1329/NQ-BSR ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ban hành tại Quyết định số 1357/QĐ-BSR ngày 26/04/2021 của Ban kiểm soát Công ty;

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực, kinh nghiệm của các công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 từ các Công ty sau:

1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
2. Công ty TNHH PwC (Việt Nam);
3. Công ty TNHH KPMG.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT, BKS;
- TGD;
- Lưu: BKS, VT, VPHĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



## **Phụ lục số 10 - Tờ trình về các nội dung liên quan đến Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quyết định số 1330/QĐ-BSR ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung liên quan đến Dự án Nâng cấp mở rộng (NCMR) Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất như sau:

### **I. Kết quả chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án NCMR NMLD Dung Quất**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ Tướng Chính phủ tại Công văn số 556/TTg-KTN ngày 20/4/2015 về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án NCMR NMLD Dung Quất; Ngày 19/6/2015 PVN/BSR và UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ký kết Biên bản thỏa thuận số 81/BB-DQRE và PVN đã có Quyết định số 9195/QĐ-DKVN ngày 30/12/2015 phê duyệt Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Tiểu dự án), trong đó:

- Người quyết định đầu tư: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Chủ đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi và Ban Quản lý KKT Dung Quất và Các KCN Quảng Ngãi (DEZA) làm đại diện Chủ đầu tư (theo Công văn số 3478/UBND-CNXD ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

- Tổng mức đầu tư: 601.277.940.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn dự phòng thuộc Tổng mức đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

Từ ngày 01/7/2018, BSR chuyển đổi hình thức Doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần thông qua công tác cổ phần hóa doanh nghiệp, vì vậy theo Luật Doanh nghiệp ĐHCĐ BSR trở thành Người quyết định đầu tư của Tiểu dự án.

Để đảm bảo tính thống nhất thực hiện Tiểu dự án từ khi ký Biên bản thỏa thuận cho đến khi kết thúc hoàn thành Tiểu dự án; Ngày 13/10/2020 Hội đồng thành viên Tập đoàn có Nghị quyết số 4994/NQ-DKVN về việc chấp thuận chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án về ĐHCĐ BSR.

Căn cứ theo Điều 2 của Nghị quyết số 1144/NQ-ĐHCĐ ngày 10/4/2019 về việc phê duyệt thiết kế FEED và dự toán xây dựng công trình Dự án NCMR NMLD Dung Quất, theo đó ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, HĐQT BSR đã có Nghị

quyết số 4836/NQ-BSR ngày 31/12/2021 về việc chấp thuận chủ trương BSR nhận chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư của Tiểu dự án.

Ngày 28/01/2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi và PVN/BSR đã ký kết Phụ lục 01 Biên bản thỏa thuận ngày 19/6/2015 chuyển giao Người quyết định đầu tư Tiểu dự án từ PVN về ĐHĐCĐ BSR từ ngày 01/7/2018; ĐHĐCĐ BSR có trách nhiệm kế thừa vai trò và tiếp tục thực hiện Biên bản thỏa thuận số 81/BB-DQRE ngày 19/6/2015. Việc ký kết không làm thay đổi trách nhiệm về các công việc đã, đang và sẽ triển khai của Tiểu dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi/Chủ đầu tư Tiểu dự án đã được các bên thống nhất ký kết trong Biên bản thỏa thuận số 81/BB-DQRE ngày 19/6/2015.

Trên đây là kết quả chuyển giao vai trò Người quyết định đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phục vụ Dự án NCMR NMLD Dung Quất, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

## **II. Chủ trương lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án)**

### **1. Tóm tắt thông tin về Dự án NCMR NMLD Dung Quất:**

- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR);
- Tổng mức đầu tư: 1.813.470.000 USD;
- Nguồn vốn: Áp dụng cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay tối thiểu là 30/70%;
- Thời gian thực hiện Dự án: 78 tháng kể từ ngày phát hành ITB lựa chọn nhà thầu FEED.
- Tình hình triển khai thực hiện: Đến nay, Dự án đã triển khai/hoàn thành những hạng mục chính sau: (i) Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và nhận bàn giao 108,2 ha, (ii) Hoàn thành công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; (iii) Hoàn thành lập và phê duyệt thiết kế tổng thể FEED, (iii) Đã hoàn thành công tác chấm thầu gói thầu EPC với kết quả phải hủy thầu.

### **2. Khó khăn, vướng mắc:**

So với thời điểm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (DFS) thì trong quá trình triển khai thực hiện Dự án gặp các diễn biến và khó khăn như sau:

- Ngành lọc dầu đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như công suất lọc dầu dư thừa, lợi nhuận biên lọc dầu có xu hướng duy trì ở mức thấp, áp lực bảo vệ môi trường và xu thế chuyển dịch năng lượng ngày càng tăng. Đặc biệt, tốc độ điện khí hóa trong lĩnh vực giao thông vận tải khiến nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ sớm đạt đỉnh vào giữa những năm 2030 và gây sức ép đóng cửa các nhà máy lọc dầu chủ yếu sản xuất xăng, dầu diesel tại các thị trường có tốc độ điện khí hóa cao (Châu Âu, Mỹ).
- Xu hướng dịch chuyển năng lượng và thị trường tiêu thụ sản phẩm xăng dầu như: (i) Sự suy giảm nhu cầu đối với các sản phẩm xăng, dầu trong tương lai do ảnh hưởng mạnh mẽ của xu hướng điện hóa động cơ và sự cạnh tranh của các nguồn năng lượng tái tạo, hydro, nhiên liệu sinh học, (ii) Sự cạnh tranh gay gắt giữa nhiên liệu xăng dầu sản xuất trong nước và xăng dầu nhập khẩu, (iii) Các yêu cầu nâng cao chất lượng đối với sản phẩm lọc dầu ngày càng cao, ...

- Xuất hiện nhiều công nghệ tiên tiến, hiệu quả và khả năng tích hợp cao hơn so với tại thời điểm lập DFS và phê duyệt Dự án trước đây.
- Dự án không được Chính phủ bảo lãnh vay vốn theo quy định tại Điều 41 Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14.
- Giá chào của các nhà thầu tham dự gói thầu EPC cao.

### **3. Đề xuất, kiến nghị:**

Việc nghiên cứu, tìm hướng đi phù hợp và khẩn trương triển khai Dự án nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải tại Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời phù hợp xu thế thị trường và đảm bảo tính khả thi, hiệu quả kinh tế là hết sức cần thiết. Vì vậy, để sớm đưa Dự án vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một số nội dung như sau:

(i) Thông qua hồ sơ xin điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật về Đầu tư; Thông qua/phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có) liên quan đến việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư.

(ii) Thông qua/phê duyệt các nội dung khác ngoài mục (i) nêu trên thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo các quy định của Pháp luật được áp dụng đối với Dự án.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TV HĐQT;
- BKS;
- TGD;
- Các Ban: DQRE, KTKH, TCKT, PCRR, KSNB;
- Lưu: VT, VPHĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**